Năm thứ hai — Số 69
Tuần-lễ từ thứ tư 21 Octobre
đến thứ ba 27 Octobre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

Nền trung-học Pháp xưa và nay — *Nhân-Nghĩa*
Tra nghĩa chữ nho (XXI) — *Nguyễn văn-Tố*
Tại sao đến ngày nay mà người minh vẫn chưa có sách khoa-học? — *Nguyễn trọng-Thuật*
Phê bình « Quê người » — *Kiều thanh-Quế*
Phương-pháp làm sách « Lịch triều hiến-chương » — *Hoa-Bằng*
Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể (IX) — *Nhật-Nham*
Kỷ-niệm Sầm-sơn (II) — *Phạm Mạnh-Phan*
Những ông nghè triều Lê (XXXIX) — *Ứng-Hòe*
Tài liệu để đính-chính những bài văn cổ (XXXXIV) — *Nguyễn văn-Tố*
Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt truyện » (VIII) — *Thạc-Xuân Lê văn-Phúc*
Tùy hứng — *Cô Cẩm-Lai — Cách-Chi — Minh-Tuyền*
Trúc mai sum-họp (tiểu-thuyết, XVII) — *Chu-Thiên*

0$20

Vấn-đề « Học »

NÊN TRUNG-HỌC PHÁP XƯA VÀ NAY

NHÂN-NGHĨA

Ta phải nhớ rằng ở bên Pháp, từ xưa đến nay, tiểu-học và trung-học là hai ngành học khác hẳn nhau và đi song hàng với nhau từ đầu chí cuối, chứ không phải cái nọ nối tiếp vào cái kia như ở các học-đường của người Đông-dương.

Quả thế, đối với người Đông-dương học trong các học-đường Đông-dương, thì những danh từ « tiểu học », « cao-đẳng tiểu-học » và « trung-học » có định-nghĩa và giới-hạn rõ ràng như thế này : dù nhà giàu hay nghèo, trẻ con sáu bảy tuổi đi học là phải vào trường tiểu-học gồm 6 năm ; đỗ tốt-nghiệp bậc học này rồi, muốn học nữa, giàu nghèo đều phải vào trường cao-đẳng tiểu-học, gồm 4 năm ; sau cùng, bậc trung-học, gồm 3 năm, để cho những người đã đỗ tốt - nghiệp bậc C Đ T H. Bất luận giàu nghèo, đều phải lần lượt trèo ba bậc thang ấy mới với được đến cái bằng tú-tài.

Bên Pháp không thế. Hai ngành tiểu-học và trung-học đều nhận học trò từ năm chúng sáu bảy tuổi. Thường thường, trẻ con nhà giàu vào ngay trường trung-học, phải trả tiền học ngay từ lớp 11. và cứ ở luôn đấy cho đến năm đỗ tú-tài.

Còn ban tiểu-học chia ra hai bậc : sơ-đẳng tiểu-học và cao-đẳng tiểu-học, đều không phải trả tiền học. Thực ra, ngoài những trường S Đ T H và C Đ T H, ngành tiểu-học còn gồm cả những trường sư - phạm, luyện học-sinh thi « Brevet supérieur », để ra làm giáo-viên.

Ta thử theo dõi sự học hành của hai đứa trẻ, một đứa ở ban tiểu-học và một đứa ở ban trung-học, từ năm sáu bảy tuổi : đứa thứ nhất sẽ đỗ bằng sơ-đẳng tiểu-học vào khoảng 12 tuổi, đỗ bằng cao-đẳng tiểu-học vào khoảng 15-16 tuổi, và, sau cùng, đỗ bằng « Brevet supérieur » vào khoảng 18-19 tuổi. Trong khi ấy, đứa thứ hai, cứ ở luôn trong trường trung học từ năm 6 tuổi, cũng sẽ đỗ tú-tài vào khoảng 18 19 tuổi. Như vậy, độc-giả đủ hiểu rằng cả hai ngành tiểu-học và trung-học đều đi « song hàng » với nhau trong 12, 13 năm trời.

Sự cải-cách chế-độ giáo-dục ở nước Pháp hiện nay có một điều này rất quan - trọng mà ta phải nhận rõ : nó phá bỏ cái lối « song hàng » ấy.

Muốn cho dễ hiểu, tôi xin ví ban tiểu-học như một vật gì có ba khúc : khúc đầu, khúc đuôi và khúc giữa. Thì, với sự cải cách hiện nay, ở ban tiểu-học, người ta đã chặt mất khúc giữa và khúc đuôi. Chặt khúc giữa bằng cách đổi các trường C Đ T H thành những trường « collège ». Chặt khúc đuôi bằng cách bãi bỏ các trường sư-phạm : ai muốn đi dạy học, phải đã đỗ tú-tài và học thêm một năm để đào-luyện riêng về khoa sư-phạm.

Từ nay, cái lối « song hàng » không còn nữa : sau 5 năm ở bậc thứ nhất trong ban tiểu-học, đỗ bằng « Diplôme d études primaires préparatoires » rồi, học-sinh Pháp muốn đi xa hơn nữa trên đường học vấn, chỉ có một lối độc nhất ; vào lớp 6 ban trung-học. Còn năm lớp dưới cùng trong trường trung-học (từ lớp 11 đến lớp 7) cũng chỉ coi như những lớp tiểu-học thôi : học hết lớp 7 cũng phải có bằng D E P P mới được lên lớp 6.

Như vậy giới hạn của hai ban tiểu-học và trung-học thật rõ ràng ; ban trung-học nối vào ban tiểu-học chứ không đi « song hàng » như trước nữa.

∴

Tôi đã nói nhiều về những sự sửa đổi mới đem thực hành trong ban tiểu-học Pháp.

Hôm nay đến lượt nói về những sự sửa đổi trong ban trung-học Pháp.

Nhưng, muốn để độc-giả có dịp so sánh sự tổ-chức xưa và nay trong ngành học này, tôi tưởng một chút lịch-sử không phải là thừa.

Những danh từ « enseignement classique » và « enseignement moderne » có phải bây giờ mới có không ? Không, nó đã có từ thế-kỷ 19.

Ở nửa trên thế-kỷ 19, chỉ có một thứ trung-học thôi và món latin ai cũng phải học. Năm 1852, Fortoul đem tách nó ra làm hai ngành, bắt đầu chia rẽ từ lớp 3 : ngành văn học (littéraire) ngành khoa-học (scientifique).

Khi Duruy giữ bộ Học-chánh (1864) thì trong các trường trung học ông đặt ra một ban kêu là « trung-học đặc biệt » (enseignement secondaire spéciat) : không có những món grec và latin,

không có triết lý, không có văn chương ; chỉ có toán pháp, kế toán, địa dư, hội họa, và chút ít khoa học. Hồi ấy chưa có bậc cao đẳng tiểu học nên cái ban « trung học đặc biệt » được cho là hợp thời.

Nhưng đến khi trong nền tiểu học xuất hiện bậc C Đ T H, cạnh tranh với ban « đặc biệt » của nền trung học, thì tình thế trở nên rối ren hỗn độn. Quả thế, ban « đặc biệt » này học ít năm hơn ban « cổ-điển » và học trò ban « đặc biệt » không thể thi tú-tài được. Vậy thì nó khác gì bậc C Đ T H?

Năm 1881, Jules Ferry cố làm cho ban « đặc biệt » tăng thêm giá-trị bằng cách cho học sinh ban ấy được thi tú tài. Nhưng dù sao cái tú-tài này vẫn bị khinh-miệt.

Mãi năm 1891, Léon Bourgeois, mạnh bạo hơn, đổi tên ban « đặc biệt » làm ban « cận đại » (enseignement secondaire moderne), lấy sinh ngữ (langues vivantes) thay cho tử ngữ grec và latin. Tuy vậy, ban « cận đại » vẫn ngăn hơn ban « cổ điển » một nấc, và phụ huynh học sinh lại không ưa thích ban ấy. Chỗ này chỗ kia người ta công kích gắt gao. Nghị-viện mở cuộc điều-tra xem nên cải cách ra sao. Năm 1899, một tiểu ban, do ông nghị Alexandre Ribot đứng đầu, tiến hành công việc ấy. Kết quả như thế này : những lời thỉnh cầu ở Nghị viện, những bài đáp lại cuộc điều tra đem in ra được năm quyển sách. Riêng ông Ribot chỉ tóm tắt ý kiến phái này phái nọ, cũng góp được một quyển sách, nhan là « La Reforme de l'enseignement secondaire ».

∴

Chính vì cuộc điều-tra khong lồ nay mà có cuộc cải cách năm 1902 của ông Georges Leygues, tổng-trưởng bộ Học-chánh hồi ấy.

Ông Georges Leygues chia ban trung-học ra làm hai bậc : bậc thứ nhất gồm bốn lớp (6 5 4 3), bậc thứ hai gồm ba lớp (2 1, triết học hay toán pháp.

Bậc thứ nhất chia ra hai ngành ; ngành cổ-điển A và ngành cận-đại B. Trong ngành A, món latin bắt buộc phải học cả bốn năm ; món grec chỉ có ở lớp 4 và lớp 3, lại tùy ý không học cũng được. Trong ngành B, không có latin, không có grec, nhưng học nhiều về sinh-ngữ và khoa-học để bù vào hai món kia.

Bậc thứ hai, ở hai lớp 2 và 1 chia ra những bốn ngành : A, B, C, D. Ba ngành A, B, C đều có latin. Nhưng ngoài món nay ra, ngành A thêm grec, ngành B thêm langues vivantes (sinh-ngữ) ngành C thêm sciences khoa học. Còn ngành D không có latin, không có grec, nhưng thêm langues vivantes như ở B và thêm sciences như ở C. Hết lớp 1 thi tú-tài phần thứ nhất, chia ra bốn thứ : latin-grec ; latin-langues vivantes ; latin-sciences ; sciences-langues vivantes. Đỗ phần thứ nhất rồi, thì hoặc vào lớp Philosophie hoặc vào lớp Mathématiques để thi phần thứ hai.

Ngoài sự chia ra ngành nọ ngành kia, cuộc cải cách năm 1902 có điều này đáng chú ý ; ở bậc thứ nhất (bốn lớp 6 5, 4, 3) môn gì học hết bốn năm cũng tàm-tạm đủ cả ; lên đến bậc thứ hai, cũng những môn ấy sẽ học rộng ra, và thêm những cái chưa học ở bậc thứ nhất. Nhờ sự xếp-đặt như thế, hết bậc thứ nhất, học-sinh nào học-lực khá đều được một tấm chứng-chỉ gọi là « certificat d'études secondaires du premier degré». Sự xếp đặt chương-trình như vậy tiện cho những học sinh nào thôi học sau khi học hết lớp 3, nhưng bất tiện cho những học sinh khác vì họ phải học lại nhiều cái đã học rồi.

Cuộc cải-cách năm 1902 đã đặt nền học cận-đại đứng ngang hàng với nền học cổ-điển. Đằng nào cũng phải học 7 năm và giá trị bằng-cấp ngang nhau.

Nhưng cải-cách được ít lâu thì hai phái cổ-điển và cận đại bắt đầu công-kích cải lý nhau. Phái cổ điển nhất-định rằng không có hai món latin-grec, thì không thể

Hãy đọc
VÀNG SAO
Văn xuôi của thi sĩ CHẾ LAN VIÊN
Bìa do họa sĩ Lưu văn Sìn trình bày
In toàn trên giấy vergé bouffant giá đặc biệt 2 p. 80
Nhà xuất bản Tân-Việt 49 – Takou Hanoi

Sắp có bán
TRIẾT HỌC KANT
của NGUYỄN ĐÌNH TRI
Đang in
Triết học NIETZSCHE
«Tủ sách triết học» TÂN-VIỆT

Nhà sách MAI QUANG. 110. G Guynemer chợ cũ. Sa'gon nhà sách được nhiều tín nhiệm

có cái học-vấn chắc - chắn được. Cái đó cũng có lý vì tiếng Pháp, nguồn gốc ở latin và grec mà ra; muốn giỏi Pháp-văn, phải thông-hiểu hai từ-ngữ này, cũng như với người Nam, muốn giỏi quốc-văn, phải thông-hiểu chữ Hán.

∴

Hai mươi mốt năm tranh-luận đưa đến cuộc cải-cách năm 1923 của ông Léon Bérard. Ông này thuộc vào phái cổ-điển, nên ông bắt buộc rằng từ lớp 6 lên lớp 3 chỉ có một thứ trung-học thôi mà nó phải là cổ-điển. Nghĩa là đã vào ban trung-học ai cũng phải học latin trong bốn năm từ lớp 6 lên lớp 3 và phải học grec trong hai năm lớp 4 và 3. Chỉ ở lớp 2 và lớp 1 mới chia ra cổ-điển và cận-đại.

Vụ khai-trường năm 1923, bắt đầu bỏ lớp 6B cận - đại, rồi dần dần sẽ bỏ nốt các lớp, 5B, 4B và 3B. Ai ngờ sang năm 1924 thì nội các Poincaré đổ ; ông Léon Bérard cũng đổ theo với cuộc cải-cách của ông. Và ngay vụ khai-trường năm ấy, người ta đã lập lại lớp 6B rồi; thế là ngành cận-đại lại được tái-sinh.

∴

Một năm sau 1925, cả ban trung học hoàn-toàn « đổi mới» Không chia ra hai bậc như xưa nữa. Không có « certificat d'études secondaires du premier degré» nữa. Chương-trình học chia đều cho bảy năm, chứ không thu gọn vào bốn năm để rồi sau học lại như trước.

Từ lớp 6 đến lớp 3 vẫn chia ra hai ngành A và B. Trong ngành A, bắt buộc phải học latin từ lớp 6, phải học grec từ lớp 4 Trong ngành B, học sinh-ngữ thay cho latin và grec.

Lên đến lớp 2 và lớp 1 ngoài ngành A latin grec và ngành B langues vivantes, lại thêm ngành nữa kêu là A prime, có latin, không có grec, học thêm langue vivante thay vào grec.

Tóm lại, ngành nọ khác ngành kia chỉ ở chỗ học từ - ngữ latin, grec hay sinh-ngữ tiếng Anh, tiếng Đức, v...v...

Còn về các môn khoa-học, sử-ký địa-dư, thì suốt từ lớp 6 đến lớp 1 chương-trình ngành nào cũng giống nhau hết.

∴

Mười ba năm sau 1938, ông Jean Zay lại chặt ban trung-học ra làm hai bậc. Ông không đụng - chạm gì đến sinh-ngữ hay từ-ngữ hết : ở bậc thứ nhất vẫn có hai ngành A, B ; ở bậc thứ hai vẫn có ba-ngành A, A prime và B.

Sự cải-cách ở như khoản này : chương-trình các môn sử-ký, địa-dư, toán pháp, vật-lý, hóa - học, tự-nhiên-học, v. v... đều thu gọn vào bốn năm của bậc thứ nhất, giống như chương-trình bốn năm CDTH Xếp-đặt như thế, tiện thì cũng có tiện thật : đang học dở ở bậc CĐTH có thể xin sang ban trung - học ngành B ; đỗ bằng CĐTH rồi có thể vào lớp nhì ngành B để học thi Tú-tài. Nhưng chính vì sự xếp đặt như thế mà bậc CĐTH phải đến nỗi tiêu-diệt, vì nó đã đi lạc đường mất rồi xem lại bài nói về bậc C Đ T H

∴

Từ tháng Juin năm 1940, phong trào cải-tạo lại nước Pháp bồng-bột trong khắp các ngành hoạt-động. Cái gậy « thần tiên » của Thống chế Pétain chỉ đến đâu là ở đấy hiện lên những sự mới lạ.

Một trong những cái mới lạ ấy là đạo sắc-lệnh 21 Septembre 1940 cải tạo nền trung-học Phap như sau này : từ lớp 6 lên lớp 3 chỉ có một thứ trung học thôi, tức là Ngành cổ-điển, bắt buộc học latin từ lớp 6 và học grec từ lớp 4. Ngành cận-đại sẽ mất hẳn trong bốn năm ấy. ở khắp các trường trung - học, lycée cũng như collège. Cái chương - trình năm 1938 của bậc C Đ T H và bậc thứ nhất trung học ngành B chỉ còn sống sót trong các trương CĐTH thôi. Nghĩa là trong các trường trung-học, lycée cũng như collège (độc-giả hãy nhớ kỹ điều này) sẽ không có những lớp 6B, 5B, 4B và 3B nữa. Lên đến lớp 2 mới bắt đầu chia ra cổ - điển và cận đại. Học sinh đỗ CĐTH rồi có thể vào lớp 2B để học thi tú - tài. Vụ khai trường năm 1940 đã bắt đầu bỏ lớp 6B và người ta dự-định

ĐÃ CÓ BÁN :

Thi-Văn tập

của Phan Mạnh Danh

Soạn giả tập Bút - Hoa, quyển sách được đức Hoàng-Thượng ngự lãm và ban thưởng Kim-khánh cho tác giả. Thi-Văn tập có lắm bài rất tài-tình và điêu-luyện, người đã biết xem văn không thể không thưởng thức Thi-Văn tập. Sách do cụ Tượng Phạm -Quỳnh đề tựa, Nguyễn-trung Khắc (111 Rue du Cuivre Namdinh) xuất bản — G á 2p20

Chuyện ly kỳ, thơ thánh thót, văn thanh tao là tập

Hồng Kiều

của Phan-Mạnh-Danh

Sắp xuất bản

năm 1941 sẽ bỏ lớp 5B năm 1942 sẽ bỏ lớp 4B và năm 1943 sẽ bỏ lớp 3B.

Độc-giả hãy so sánh cuộc cải-cách 1940 này với cuộc cải cách 1923 sẽ thấy giống nhau như đúc.

Năm 1923, người ta bỏ lớp 6B (cận-đại) để năm sau 1924 lại lập lại.

Năm 1940, một lần nữa, người ta bỏ lớp 6B để ngay năm sau 1941 lại lập lại.

♂

Lập lại một cách gián tiếp như sau này ; Tuy cũng thuộc vào nền trung học, từ nay lycée và collège tổ chức khác nhau. Trường lycée theo đúng những sự cải-cách của năm 1940 : từ lớp 6 cho đến lớp 3 chỉ có một ngành cổ-điển thôi ; lên lớp 2 mới chia ra cổ-điển và cận đại.

Trường collège từ nay sẽ có cái công dụng khác xưa : nó chuyên riêng về ngành cận đại của bốn lớp 6,5,4,3. Những trường CĐTH cũ đổi tên ra collège và cũng theo chương-trình trung học cận đại.

Vậy từ nay chỉ trường collège mới có những lớp 6, 5, 4 3, theo chương trình cận đại. Học hết lớp 3 cận đại ở collège muốn lên lớp 2 cận đại phải sang trường lycée.

Tối thú thật không hiểu phân-biệt như thế có ích lợi gì không, vì đằng nào cũng là trường trung học cả, cũng là chương - trình trung học cả.

Tuy vậy, có những điều này đáng chú ý: vào lớp 6 dù ở lycée (cổ - điển) hay collège (cận-đại) phải có bằng « Diplôme d'études primaires préparatoires ». Hết lớp 3 cổ điển ở lycée, sẽ có kỳ thi lấy bằng « Diplôme d'études classiques » Hết lớp 3 cận - đại ở collège sẽ có kỳ thi lấy bằng « Diplôme d'études modernes ». Bắt đầu từ năm 1946 phải có DFC hay DEM mới được lên lớp 2.

Nghĩa là ban trung học chính thức chia ra hai bậc : hết bậc đầu phải qua một kỳ thi, có đỗ mới lên được bậc trên.

Chia ra hai bậc như thế thì chương trình bậc thứ nhất phải tự nó chọn vẹn để học sinh đỗ bậc học ấy ra đã có cái học thức phổ thông tàm tạm đủ, nếu họ không lên bậc trên.

Trái lại, nếu hai bậc cách nhau bởi một kỳ thi mà chương - trình học lại chia ra những bầy năm, thì những học sinh thi hỏng hay có đỗ mà không học lên nữa tất sẽ có cái học thiếu thốn. Về sử-ký họ mới học được một nửa chương trình. Về vật lý và hóa học, họ không biết gì hết, vì lên đến lớp 2 mới có những môn ấy. Về đại-số học, lớp ba mới bắt đầu học một ít còn thì ở những lớp trên.

Hiện nay ta chưa rõ toàn - thể chương-trình mới của ban trung-học Pháp Nhưng cứ xem chương trình đã công-bố thuộc vào hai lớp 6 và 5 thì, « hình như » phải đủ bầy năm mới hết chương-trình.

Ta chưa đủ tài liệu để hiểu rõ hơn nữa sự tổ chức trong nền trung học mới của nước Pháp. Chưa đủ tài liệu mà đã vội phê-phán thì tránh sao lầm lỡ được ? Ta phải tin rằng Thống-chế Pétain và những người giúp việc đắc lực của ngài thừa kinh nghiệm, thừa sáng kiến, để tạo cho nước Pháp một nền học hoàn toàn về đủ ba ngành tiểu học, trung học hay đại học.

NHÂN NGHĨA

Nhà in

TRI-TÂN

Nhận in đủ các việc

70, Bach-mai—Hanoi sông

Một sự không ngờ

Muốn bán cho hết ngay nên còn một số ít quyển

THIÊN TỰ GIẢI ÂM

(Một nghìn tiếng có in chữ nho to, âm quốc-ngữ, giải nghĩa chữ ấy bằng quốc ngữ và chữ Pháp)

Rất tốt cho người mới học chữ nho

Giá bán trước 0.80 — nay bán đặc biệt 0.10

Mua buôn từ 50 quyển trở lên, trừ 20 %.

Hỏi : hiệu ĐÔNG-TÂY, 195 phố hàng Bông Hanoi

Khẩn cáo

Bản chí xét sổ còn nhiều bạn mua báo chưa trả tiền.

Vậy các bạn nên kíp gửi ngay mandat về trả cho, chúng tôi rất cảm ơn các bạn

TRI TÂN

Tại sao đến ngày nay mà người mình vẫn chưa

CÓ SÁCH KHOA-HỌC ?

NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

TÔI để ý đến công chuyện viết khoa học bằng tiếng ta từ hồi Phạm tiên-sanh mới khởi xướng ra cái thuyết người An-nam phải học bằng tiếng an-nam, cái thuyết mà tôi cho là rất chí-lý tuy rằng gần đây vẫn còn có người chỉ-trích nó.

Nhưng cũng vì cái thuyết ấy chí-lý mà ông Laos dạy khoa-học hồi đó ở trường Bưởi thường ngày vẫn chê chúng tôi là « Học như con vẹt » có hỏi chúng tôi một câu cũng lại rất chí-lý : « Các anh muốn học bằng tiếng an-nam ? Phải lắm ! Nhưng các anh lấy chữ đâu mà học khoa học ? »

Câu hỏi thiệt thắt-mắc, chắc các bạn đồng-song của tôi còn nhiều người nhớ tới. Cũng vì câu hỏi chí lý ấy mà hồi đó nhiều người thông chữ nho đã gắng sức dịch các món khoa học ra tiếng ta như môn kỷ-hà học, vật lý học, đại số học, hóa học, vạn vật học, tâm-lý học v. v. . .

Nhưng sau đều bỏ dở cả. Tại sao ? Có phải tại các ông thiếu nghị-lực không ? Không ! Tại các ông đã đi lạc đường.

Các ông không làm nổi chỉ vì các ông thông chữ nho ! Các ông đã đi theo gót ông Tàu. Mà ông Tàu về cận-đại, phần nhiều chỉ là người buôn bán, gặp đâu làm đấy, miễn phiên-phiến cho chạy việc thì thôi. Cho nên các ông khoa học chuyên môn tàu, khi ở ngoại-quốc về, cũng cứ phiên phiến, trong công chuyện hằng ngày, cần đến đâu làm đến đó, gặp chữ nào dịch chữ đó, ở trường đoạn nào dịch đoạn đó, mà chữ nào người thường dân đã đặt ra rồi, thì cứ để nguyên. Làm như vậy là thất cách. Các ông Tàu đã làm một công việc khoa - học trong đó không có một chút óc khoa-học nào !

Nhiều ông An-nam không biết như vậy là thất-sách, cứ cắm đầu đuổi theo ông Tàu, tưởng có chút khoa-học, biết tiếng pháp, thông chữ nho, có nghị-lực, giàu hi-sanh đã đủ. Không ngờ rằng làm như vậy thì chỉ viết được những sách cách-trí thường thường thôi, không viết được những bộ khoa-học chuyên môn.

Các ông không biết như thế, cứ mải miết đuổi theo cho kịp. Đến chỗ ông Tàu ngừng lại vì chưa dịch tới hay không dịch nổi, thì tự nhiên các ông dịch giả nhà mình cũng ngừng lại, đành đứng đó để chờ, mà công việc thành ra đứt khúc chẳng ra môn ra khoai gì.

Đành ngừng lại, chờ người ta đi, mình đi theo! không chịu tìm xem tại sao ông Tàu ngừng lại, Không dịch nữa, hay không dịch được nữa.

Không suy xét, không biết tự mình tìm lấy phương hướng mà đi. Nên không biết rằng viết khoa-học như ông Tàu, viết một cách cẩu - thả, lộn-sộn như ông Tàu, thì vạn kiếp nữa cũng không viết khoa-học nổi.

Những chữ ông Tàu dịch, là những tiếng cần dùng trong sự giao-dịch hằng ngày, những bài ông Tàu dịch, là những điều nho nhỏ cần cho cuộc sống ngày nay, cho nông, công thương hiện tại ở Tàu, chưa phải là khoa - học thiệt thọ.

Dùng những tiếng ấy trong sự giao-dịch hằng ngày thì được, vì chỉ dùng đến chúng một cách lẻ-tẻ (isolés) thôi. Cũng như người An - nam khi đầy bụng vào hiệu thuốc tây hỏi mua một gói « thuốc số muối » ấy mà, « Hình tam giác »,

« Đường phân - giác », « Đường thẳng góc » là những « chữ » các nhà chuyên - môn khoa - học « đặt » ra, nhưng về phương - diện khoa - học, chúng cũng chẳng hơn gì chữ « thuốc sổ muối » cả. Dùng chúng trong những câu liên-tiếp để viết thành khoa-học không được, vì câu văn thành ra tối nghĩa.

Nhiều ông Annam mượn « chữ » ông Tàu để viết sách khoa-học cũng chỉ thấy đại-khái rằng sách của mình tối nghĩa, đọc lên không ai hiểu được, tuy rằng những người tò mò xem đến sách khoa-học của mình toàn là những người có biết khoa-học sớ-sần như mình cả. Vậy người chưa biết một tý gì về khoa học thì hiểu làm sao được? Các ông nghĩ thế rồi các ông bỏ dở, không làm nữa. Bỏ dở là phải, là khôn.

Người Tàu sau này có muốn viết khoa - học bằng tiếng tàu, phải tìm lối khác, phải phá bỏ cái công trình khoa-học lộn sộn của họ đã làm từ trước đến giờ. Có phá được đến đâu thì mới xây đắp được đến đấy. Tôi biết trước như vậy, vì những tiếng khoa-học chuyên môn của Tàu hiện giờ không có một chút nào có thể gọi là tiếng khoa-học chuyên-môn cả.

Mà sau này người Tàu có hiểu thế nào là chữ chuyên-môn, rồi có đổi cách đặt tiếng chuyên-môn tàu cho đúng với tính cách tầu đi nữa, thì người An-nam, một là đi theo ông Tàu thì phải theo từ đầu cho đến cuối; hai là không làm được nếu không dựa theo mẹo an-nam mà đặt tiếng chuyên-môn annam cho đúng với tính - cách những chữ chuyên môn.

Muốn đặt tiếng chuyên-môn cho đúng tính-cách tiếng chuyên-môn, người Tàu chỉ còn có một cách là theo lối tôi chỉ ra ở đoạn kết của bài Adaptation đăng trong báo Annam-Nouveau. Nếu không, phải bỏ chữ nho, dùng vần quốc-âm tầu. Khi đó sẽ phải làm như cách tôi chỉ sau đây cho người An-nam.

Các ông Tàu, khoa-học chuyên môn đi lạc lối, là quyền các ông, các ông An-nam hồi trước nhắm mắt đi theo ông Tàu thành lạc lối nốt là lẽ tự nhiên.

Sau khi khảo cứu kỹ càng về khoa-học ngữ và Việt ngữ, tôi đã thấy chắc-chắn rằng muốn viết khoa-học bằng tiếng ta thì phải viết ra làm sao mới biết nổi, mới dễ hiểu, mới dùng được.

Những điều đó, tôi đã đăng ở trong Báo Annam Nouveau, từ ngày 11-1-42 đến ngày 15 3 42, cả thảy chín số liên-tiếp, đề là « Adaptation de la langue annamite à la langue scientifique ».

Trong bài đó, tôi đã trình-bày cái phương-pháp ấy ứng dụng trong khoa hóa-học để độc-giả xét xem nó có công-quả tốt không.

Bây giờ nhân tiện tôi viết lại câu chuyện đó bằng tiếng ta, tôi sẽ chỉ rõ-ràng những các lý tại sao phải làm theo cái phương pháp đó mới viết khoa-học nổi, bất cứ về khoa nào, chớ không phải riêng gì cho khoa hóa-học như người ta đã tưởng lầm.

..

Muốn phổ thông khoa học, bất cứ về môn nào, cũng phải đi từ A đến B,... Về hóa - học chẳng hạn, phải bắt đầu từ nguyên tố trở đi; về hình học, phải bắt đầu từ cái điểm trở đi. Mà trước khi đi thì phải thu xếp hành lý, nghĩ đến hành trình xem có đủ sức đi cho đến nơi đến chốn không đã.

Nên có một cái trương trình theo ốc khoa học để đưa người ta từ chỗ rất dễ đến chỗ rất khó.

Nên xét trước xem đại khái những chữ nào dịch được những chữ nào không dịch được hay là dầu có dịch được đúng một trăm phần trăm cũng không nên dịch, nói tóm lại, chữ nào có thể dịch được, chữ nào nhất định phải đặt ra. Và những chữ nhất định phải đặt ra thì sẽ đặt ra làm sao? Theo phương pháp nào cho chu - đáo và nhất luật, hợp với tính cách tiếng ta.

Thế nào là văn khoa học (littérature scientifique), thế nào là thường ngữ (langue commune), thế nào là chuyên môn tự (mots techniques), thế nào là đẳng cấp danh từ nomenclature? Hỏi như thế thì ông nào cũng trả lời thông cả, là lẽ tự nhiên; nhưng nếu nay không căn-cứ vào những chỗ đó để định đoạt loại chữ nào phải dịch, loại chữ nào phải đặt thì e khó viết nổi khoa học bằng tiếng nam được.

Bài sau tôi sẽ nói rõ: Muốn viết khoa-học bằng tiếng ta, phải làm thế nào?

NGUYỄN TRỌNG THUYẾT

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 21 Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XI. — Chữ n

Trong quyển *Tầm nguyên từ-điển*, ở trang 171, dưới chữ *nam vô*, ông Lê Văn-Hòe nói rằng : Nam Mô là một tiếng dịch âm ở tiếng nam-phạn « Namu ». Người Tàu đọc là « nàm mâu », ta đọc là nam vô, sai mất cả nguyên-âm tiếng phạn và thành vô nghĩa ».

Theo quyển *Hand-book of chinese buddhism, being a sanskrit-chinese Dictionary with vocabularies of buddhist termsin Pali, Singhalese, Siamese, Burmese, Tibetan, Mongolian and Japanese*, của ông Ernest. J. Eitel thì chữ sanscrit, tức bắc-phạm, gọi na-mô là namah, chữ pâli, tức nam-phạm, gọi là namo, chứ không phải namu Sách Tàu, quyển thì dịch là na-mô, quyển thì dịch là nam-vô. Vì có chữ nam-vô, nên có người giễu rằng : « Nam vô A-di-đà phật », nước Nam không có phật A-di-đà ! Cứ thực ra, thì na-mô hay nam-vô cũng là chữ của người Tàu, chứ không phải của người Nam, dịch theo âm chữ phạm, mà chữ phạm namo là kính lễ, chữ Hán dịch là qui-y, nghĩa là tin theo đạo Phật.

Ông Lê Văn-Hòe cắt nghĩa « chữ nôm là chữ Nam, một thứ chữ riêng của người Nam, thường ghép hai chữ Hán mà đặt ra, một chữ Hán cho mượn âm, một chữ cho mượn nghĩa ».

Nên giải ra như thế này mới rõ : chữ nôm có người gọi là quốc âm, có người gọi là quốc-ngữ ; như trong bộ *Khâm-định Việt-sử thông giám cương mục*, quyển 7, tờ 26, có một đoạn nói về « *quốc-ngữ* thi phú» của Nguyễn-Thuyên, tức Hàn-Thuyên đời Trần ; lại có một đoạn nữa gọi những bài «*quốc âm* thi » là bài « hàn-luật ».

Chữ nôm gốc ở chữ Hán, đại loại viết đến bốn năm lối : một lối mượn âm của Tàu dùng làm chữ ta, cũng có khi chỉ hơi na ná ; một lối mượn âm của Tàu không đúng, thì viết chữ Tàu gần giống âm, rồi « cá » hai cái bên cạnh, lối ấy cũng có nơi gọi là chấm nháy ; ba là ghép một bên chữ Tàu gần giống âm, và một bên lấy nghĩa chữ Tàu ; bốn là viết chữ Tàu, nhưng khi đọc, chỉ đọc nghĩa, không đọc âm.

Thí dụ mượn chữ Tàu làm chữ mình, như chữ « bàn cùng ai » : ở nghĩa của ta, bàn là cân nhắc lẽ hơn lẽ thiệt, mượn chữ Tàu, bàn là mâm ; ở nghĩa của ta, cùng là chung với nhau, mượn chữ Tàu, cùng là cùng khổ ; ở nghĩa của ta, ai là người nào, mượn chữ Tàu, ai là bụi trần. Lối mượn đồng âm, kể ra thì nhiều lắm, như chữ đồng là ruộng đất, nôm viết chữ đồng của Tàu là cùng ; chữ song là song le, hoặc chữ xong là xong rồi, đều mượn chữ song của Tàu là đôi ; v. v. Có khi mượn chữ đồng âm mà viết không nhất định, như chữ chung là công cộng, có người viết chữ chung của Tàu là trọn, hết ; có người viết chữ chung là chung đúc. Thế là cứ tùy ý người muốn viết chữ nào đồng âm cũng được, không theo mẹo luật nào cả : như chữ một là số đầu các số đếm, đã có chữ một của Tàu là mất, thế mà về đời Gia-long có người viết ra chữ miệt của Tàu, là khinh rẻ. Lại như chữ thằng là đứa, đã có chữ thằng của Tàu là dây, thế mà trong sách *Đại nam ngữ lục*, là sách viết bằng chữ nôm của trường Bác-cổ, số A B 478, đều viết chữ thượng là chuộng !

Mượn chữ Tàu không đủ, thì viết chữ Tàu rồi thêm hai chấm vào bên cạnh, người ta gọi thế là thêm chấm cá. Như chữ kề lề, thì viết chữ kế rồi cá hai cái, chữ lề thì viết chữ lễ, rồi cá hai cái. Chữ vắng thì viết chữ vĩnh, rồi cá hai cái ; nhưng vì không có mẹo luật, nên mỗi người đọc một cách : có người đọc là vẳng, có người đọc là viếng, mà cũng chỉ chữ vĩnh chấm hai cái bên cạnh, chẳng thêm dấu hiệu gì cả.

Lối ấy cũng khó đọc như lối chữ hơi đồng âm nói trên kia. Thí dụ chữ với có người viết chữ bối của Tàu, chữ mới có người viết chữ mãi của Tàu. Thành ra có khi sai hẳn nghĩa ; như chữ quyên của Tàu, dùng vào chữ nôm, đọc là quen cũng được, mà đọc là quên cũng được ! « Tôi không quen người ấy », hay « tôi không quên người ấy » đều viết một chữ quyên : nếu đem ra việc án thì thật là nguy hiểm !

Lối dùng hai chữ Hán hoặc hai nửa chữ Hán chắp thành chữ nôm, thường ghép một bên chữ gần giống âm và một bên lấy nghĩa chữ Hán. Như chữ tuổi, một bên viết chữ tối là rất, như tối cần ; còn một bên viết chữ tuế là tuổi. Chữ năm viết một bên chữ nam là

Giá báo

Mỗi số	0 p. 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

chữ gần giống âm chữ năm, còn một bên viết chữ niên là năm. Chữ đến, viết cho đủ nghĩa thì một bên chữ chỉ nghĩa là đến, một bên chữ điền, gần giọng với chữ đến : viết như thế thì đọc được ngay ; nhưng có người chỉ viết chữ điền chấm hai cái bên cạnh, có người viết chữ đán chấm hai cái bên cạnh, rồi người đọc liệu câu văn câu thơ phải nghĩa mà đọc.

Còn một lối nữa là lối đọc nghĩa ra tiếng ta, chứ không đọc âm chữ Tàu. Như trong *Kiều* có câu : « Nào người tiếc lục tham hồng là ai ? » Vì chữ tiếc không có chữ nôm, nên phải viết là tích — tích là tiếc — ; cũng vì thế có người đọc là « Nào người tích lục tham hồng là ai ? »

« Người ta thường bảo những người học dở-dang : viết một bài gì bằng chữ Hán, nếu đến chỗ nào nói bằng chữ Hán không nổi, thì viết chữ nôm thay vào. Nhưng xét lối văn đời Tây-sơn và đời Gia-long thì lại khác : chỗ nào khó thì viết Hán-văn chỗ nào dễ thì viết chữ nôm Như một bài dụ truyền cho dân, xem ý là lối văn nôm, thế mà thể-cách hãy còn theo văn chữ Hán ; ngay mở đầu đã có câu : «Công đồng truyền... Khâm tuân hoặc tuân tri...» Như thế đủ hiểu rằng lúc đầu lối văn chữ nôm của ta phần nhiều gốc ở văn chữ Hán thoát-sáo ra.

Nay thử xét xem bắt đầu có chữ nôm từ bao giờ ? Có lẽ không tài nào biết cho đích được, vì sách nôm không còn mấy. Quyển *Lịch triều tập kỷ*, sách viết bằng chữ nho của Trường Bác-cổ, số A 15, quyển hai, tờ 53b, — chép « năm mậu-tuất 1718, các quan ở phủ chúa Trịnh vâng truyền suốt quan dân trong nước, hễ ai có sách vở quan-hệ đến sự dạy bảo ở đời, mới được khắc ván để in. Gần đây, những người hiếu sự, nhặt bậy những tạp-truyện bằng quốc-âm, lời nói thô-bỉ, chẳng biết hay dở, khắc vào ván, in ra bán, việc ấy phải cấm. Tự nay về sau những nhà có chứa ván in hạng sách nói trên, cho quan đi thu - nhặt tiêu-hủy hết. »

Như thế, chỉ còn có cách tìm trong văn bia hay trong sử chữ nho xem có chép chữ nôm nào không Đến tận năm 1930, chưa hề thấy ai để ý đến việc ấy. Năm ấy tôi viết trong tập kỷ-yếu Trường Bác-cổ một bài bằng Pháp - văn, đại-ý như thế này : Nếu không căn-cứ vào lý luận, như việc Triệu Đà và Sĩ - nhiếp là người Tàu, sang cai-trị nước ta «tất» (?) đã phải (?) lấy tiếng Tàu dịch ra tiếng ta, v.v. nếu chỉ căn cứ vào những chữ nôm chép trong lịch - sử, thì phải nhận rằng chữ nôm phát-hiện ít ra từ thế-kỷ thứ tám, vì trong sử nói con ông Phùng-Hưng tên là An cùng với dân-chúng tôn ông Phùng-Hưng làm «Bố cái đại-vương » vào khoảng cuối thế kỷ thứ tám. Vậy có thể nói một cách chắc-chắn rằng chữ nôm có trước Hàn Thuyên ít ra là năm - trăm năm *Việt-sử cương mục*, quyển 4, tờ 26a, chua chữ «bố cái» là tiếng cổ của nước ta : «cổ tục hiệu phụ viết bố, mẫu viết cái »(1).

Còn nữa

Ứng-hòe Nguyễn-văn-Tố

1) Nguyên văn chữ Pháp như sau : « .. Il est très probable, d't M. Pau Pelliot, que les chữ nôm ont été inventés à la fin du XIIIe siècle, époque où se développa en Annam la littérature en langue vulgaire». Dans quelle mesure cette hypothèse peut - elle être tenue pour définitive ? On a pu espérer quelque temps que les inscriptions permettraient de résoudre la question. Mais les inscriptions ne permettent de fixer qu'un *terminus ad quem* et leur silence ne saurait infirmer un témoignage positif de l'histoire et de la tradition. Celles-ci attestent, l'une et l'autre, l'existence des chữ nôm *bố* et *cái* dès la fin du VIIIe siècle, dans le titre de *Bố cái đại vương* «grand roi père et mère » décerné à Phùng Hưng par son successeur et par ses sujets Phùng Hưng était, écomme on sait, parvenu en 791 à renverser le gouverneur chinois et à s'emparer du Protectorat d'Annam. Nguyễn văn Tố. » (*Bulletin de l'Ecole francaise d'Extrême - Orient*, quyển XXX, năm 1930, trang 144)

Xuôi ngược

Phút phân-ly,
Em rơi lụy,
Ta van-vỉ.
Con thuyền đi...

.·.

Trên bờ sông
Bên liễu rủ
Em đứng tựa
Phất khăn hồng

.·.

Ta vẫy tay,
Sóng chiều vỗ,
Buồm tung gió,
Nước lồng mây.

.·.

Ánh trời tà
Thành xưa rọi.
Buồn rời-rợi
Em xa-xa....

31-7-42
MINH-TUYỀN

Trăng Rừng

Lơ-lửng trên giời một mảnh trăng,
Xa-xăm mê tiếng gọi đồng rừng
Xuống giòng suối bạc trăng vùng vẫy
Rồi nhảy lân cây bám lá vàng.

CÁCH CHI

Phê - bình

« QUÊ NGƯỜI »

Tiểu thuyết của Tô - Hoài

KIỀU THANH-QUẾ viết

Sau lũy tre xanh, có gì lạ ?

« Sau lũy tre xanh » đã là tựa một quyển tiểu thuyết của Khái-Hưng.

Sau lũy tre xanh cũng là phạm-vi quan sát của Trần-Tiêu trong hai quyển *Con trâu* và *Chồng con*.

Đời người dân quê giản-dị, hiền-lành, tín-ngưỡng xẳng bậy — đời sống cá nhân ấy sau lũy tre xanh mới trông hình như không có gì đáng nói, nhưng kỳ thật là rất phức tạp. Bao nhiêu quyển sách dày dặn đến đâu, vị tất đã nói hết, phô diễn hết được. Chứng cớ là sau hai quyển *Con trâu* và *Chồng con*, còn có *Quê người* ; và sau *Quê người*, chưa chắc đã hết những truyện về đời sống người dân quê chất phác hiền lành.

Anh dân quê của tác-giả *Quê người*, anh Hời, trọn đời chỉ ao ước lấy được một người vợ, cất được một cái nhà gạch. Nhà gạch thì không cất nổi, anh chỉ lấy được người thiếu-nữ anh yêu thôi. Cưới vợ..., vỡ nợ : nhà gạch không có được, mà mái tranh anh đang ở cũng phải rỡ đem cất nơi khác, vì miếng đất anh đã bị chủ nợ tịch thâu !

Anh Thoại — bạn của Hời — cũng lấy đặng người yêu. Nhưng cuộc đời anh vẫn chẳng có gì khả quan hơn cuộc đời Hời. Họa chăng, sau ngày có vợ, Thoại được diễm phúc đôi lần uống nước trà. Chớ « mọi khi, có bao giờ Thoại biết đến ! Muốn uống nước ? Thoại chỉ việc chạy ra sân, lấy cái gáo dừa vỡ vục vào cái vại đựng nước giếng lẫn vẩn rêu xanh và những con nòng nọc đen. Lại có khi thằng Hoa nhà ông cả Phao thả mấy con săn sắt vào nuôi. Thoại vẫn thường ngửa cổ ra uống ừng - ực cái thứ nước đựng cá săn sắt, đựng nòng nọc và đựng rêu xanh đó ». (trang 94).

Nhưng từ ngày có vợ, tăng thiếu cứ bám riết lấy Thoại. Anh phát cáu, anh bực tức vì đó ; và một đêm giao thừa, đi đòi nợ không được, về gặp vợ cãu nhau, Thoại đang tay đánh người vợ mình lấy vì yêu. Đôi vợ chồng ấy « vừa tặng nhau một bữa đòn tất niên » vì « tết của thiên-hạ vang lên, mà tết của đôi vợ chồng túng kiết ở trơ vơ trong cảnh đồng thì không có ».

Cùng quẫn quá, Thoại ra cánh đồng, đi đập chó trộm, mong được một con cầy về ăn Tết. Hỡi ôi ! chưa đập được con chó vừa gặp, Thoại đụng đầu « những người trong xóm đi rình đánh những đứa đánh trộm chó tết. Vừa rồi anh Thoại đuổi con chó đen gấp - rút thế nào thì hai kẻ nọ đuổi lại anh gấp rút thế. Vượt bao nhiêu là bờ ruộng, là gò đống. Những gốc rạ, những nạm cỏ cứ qua liên liến trước mặt. Cổ anh đã ráo khan lại. Anh bắt đầu nhô ngực lên thở phì-phò. Bốn cái bàn chân huỳnh huỳnh theo không ngừng. Mà đằng trước, vẫn là sương mờ bao la. Anh chạy lạc cả lối về rồi. Vụt, anh Thoại bị ngay một gậy vào lưng, khụy gục xuống giữa ruộng. Liền mấy gậy nữa giáng xuống. Thế là hai gã lực lưỡng đánh Thoại vô hồi kỳ trận. Chúng thục ngọn gậy hừ hự vào ngực Thoại. Khốn nạn, cái ngực lúm xuống. Thoại nhắm mắt kêu lên khe khẽ, người rúm lại như con tôm khô. Anh uốn lưng lên, lăn lóc mê tơi trong trận bão đòn ». (trang 262-263).

Những cuộc đời đáng thương sau lũy tre xanh, mà đại biểu là Hời và Thoại, ta đã biết... Nhưng hãy còn lắm nhân-vật trò hề, ngây ngô, buồn cười trong thôn quê, mà Tô-Hoài đem trình-bày, dưới bao nhiêu chi tiết nhỏ nhặt, trong tác-phẩm ông...

Bà Ba có một đứa cháu gái bị người nặc danh trong làng dán giấy nói xấu. Thế là bà đi từ đầu làng đến cuối xóm, chửi rủa bâng quơ ong óng. « Kể bà chửi cũng hay thực. Hôm nay, có nhiều bà và nhiều cô gái cố lắng nghe học lỏm lấy những câu hóc hiểm để hòng có bận nào chửi nhau với ai chăng » (trang 58).

Bà Ba chẳng những chửi hay, bà nằm vạ còn tài. Tài hơn cả người đàn bà nằm vạ trong tiểu-thuyết *Nằm vạ* (1) của Bùi Hiền.

Bà Ba có đứa cháu trai : thằng Toản. Toản mới mười tám tuổi cưới Lụa, lớn hơn nó những bốn năm tuổi. Người ta cưới Lụa, cho Toản là cưới để lấy tay làm, giúp việc trong nhà trong cửa. Vì có cuộc phối hợp trái lẽ ấy, về sau Lụa bỏ Toản, trốn theo tình-nhân. Bà Ba nghi cha mẹ Lụa xúi nàng. Thế là bà Ba lên tận nhà bà thủ Dân — mẹ Lụa — chửi đồng.

Ông thủ Dân đi vắng. Chiều ông về, hay tư sự ; mặt đỏ như gấc vì say rượu sẵn, ông chạy đến nhà bà Ba ; gặp anh bà Ba là Nhiêu Thục, sẵn gậy trong tay, ông Thủ Dân phạng cho Nhiêu Thục một gậy. Cuộc sô sát xảy ra... Rồi cuộc, ông Thủ Dân vì say nên thất trận. Con trai ông chạy vừa đến. Ông bảo con cõng mình lên phủ đầu cáo.

Cả nhà Nhiêu Thục lo sợ cuống cuồng...

Bà Ba thì « phăng phăng ra cửa, chạy thẳng xuống nhà lão Thủ Dân.. Đến trước ngõ nhà ông Thủ Dân, bà Ba gào lên mấy tiếng : « Ôi làng nước ơi ! bố con thằng Thủ Dân nó đánh chết tôi » rồi bà nằm phục xuống quằn quại. Đầu tóc bà rũ rượi ra. Miệng bà rên la râm rỉ.. » (trang 189).

Tấn hài kịch do bà Ba đóng vai chánh vừa diễn, tuy cũng buồn cười, nhưng vẫn còn kém tấn hài kịch « cô đồng Toản ».

xem tiếp trang 16

Phương-pháp làm sách

« LỊCH TRIỀU HIẾN CHƯƠNG »

HOA-BẰNG

Ở Tri Tân số 55, tôi đã giới-thiệu với các bạn tiểu-sử Phan Huy-Chú, tác-giả « Lịch triều hiến chương » và thủ-tục làm thành bộ sách ấy.

Bộ L. T. H. C. gồm 49 quyển, chia làm 10 loại-chí :

1· Địa-dư chí
2· Nhân-vật chí
3· Quan-chức chí
4· Lễ-nghi chí
5· Khoa-mục chí
6· Quốc-dụng chí
7· Hình-luật chí
8· Binh-chế chí
9· Văn-tịch chí
10· Bang-giao chí

Muốn rõ thêm về công-việc làm sách và phương-pháp biên-tập bộ *Lịch triều hiến chương* ấy, ta nên để ý đến chỗ « *phàm lệ* » của tác-giả đã nêu ở đầu sách.

a) Phàm những sự-tích chép trong sách này, trên từ đời cổ, dưới đến cuối Lê, đều « nói có sách, mách có chứng » cả. Hễ thấy những lời nghị-luận trong các sách sử có điều gì tỏ-sáng thêm ra thì cũng nhặt-lượm vào để cho đầy đủ mà xem-xét. Gián hoặc có kiến-giải dị đồng gì thì tác-giả lại lấy ý mình mà cân nhắc bàn cãi, nhưng vẫn nêu một chữ « án » ở dưới đó để tỏ *ra* là lời bàn của mình. Mục-đích cốt là so-sánh đo-đắn mọi việc và mọi lẽ, cầu cho rất mực đích-đáng, chứ không phải dám phóng bút khua múa sằng.

b) Về loại *địa-dư chí*, tác-giả chép đủ cả những tên đất khi noi theo, khi đổi khác và cảnh-trí các sông núi, đều có căn-cứ đích-xác. Duy khi chép về phong-thổ thì hoặc tường, hoặc lược, chứ không đủ hết, Phàm chỗ nào không biết, thì tác-giả cứ để khuyết, đợi sau khảo được, sẽ lại thêm vào.

c) Về loại *nhân vật chí*, đối với *đế vương*, tác-giả chỉ lần-lượt chép theo thứ tự ; còn *nhân thần* thì theo loại mà lựa chọn lấy những bậc danh hiền : « bị-ký » thì lược cử đại-cương ; « loại truyện » thì chép kỹ cả sự-trạng. Vì việc làm của các vua chúa đã có quốc-sử chép đủ, có thể khảo cứu được ; còn đầu đuôi sự-tích các bầy tôi, sử-ký chưa chép kỹ-càng, cho nên phàm một lời nói hay, một việc làm tốt của họ, đều được tác-giả theo loại mà biên ghi để nêu-rệt đức-nghiệp của họ

d) Về loại *quan chức* và loại *lễ nghi*, điều-mục rất phiền ; cần phải nhặt-lượm rộng, gom-góp nhiều thì mới đầy-đủ được. Vậy từ chức-chưởng về quan-chế đến tiết-mục về lễ-nghi, tác giả đều nhất-nhất biên chép để cung tài-liệu cho những ai muốn kê-cứu chính-sự, quan-sát nghi-văn.

e) Trong các loại - chí, tác-giả chẳng những nhặt kỹ sự-cố, mà lại chép cả văn-từ. Phàm những công-văn của các triều-đại như chiếu lệnh chương tấu, hễ là giấy-tờ có tính-cách quan-trọng thì đều thu-nhặt mà chép hết thảy. Còn những thơ văn của các danh-công, cự-nho hễ bài nào đáng chép thì cũng theo loại mà biên vào, chư không bỏ sót.

f) Những sách tác-giả dùng để tham-khảo là : *Chu-lễ*, *Nhi thập nhất sử*, *Văn-hiến thông-khảo*, *Đại-học diễn nghĩa bổ*, *Đại Thanh hình luật*. Đó là những sách tàu. Còn các sử sách ta mà tác-giả dùng làm tài-liệu để kê-cứu trong khi làm bộ *Lịch triều hiến chương* thì mục-lục đã ghi cả ở loại *Văn-tịch chí* trong sách của tác-giả.

***

Như vậy, Phan Huy-Chú tỏ ra là một cây bút rất lão-luyện trong giới trước-tác ở lớp xưa. Vì tiên-sinh làm việc cũng hợp với phương-pháp khoa-học, nên đã để lại cho đời sau một sản-nghiệp tinh-thần rất qui giá là bộ Lịch triều hiến chương ấy.

Một bài sau, tôi sẽ nói đến nội-dung các loại-chí trong bộ sách rất có giá-trị này.

HOA-BẰNG

Cùng các bạn gửi bài

Các bạn có lòng yêu gửi bài đến Tri-Tân, xin làm ơn nhớ viết cho tinh tường, để chừa rộng ngoài biên và chỉ viết một mặt giấy.

Sau khi đã gửi bài nào đến bản-chí rồi, xin đừng gửi bài ấy cho báo khác nữa.

Vì bài nhiều mà khuôn khổ tờ báo có hạn, nên bản-chí cần phải lựa chọn kỹ càng và lúc nào tiện dịp mới đăng dần được.

Bài nào không đăng xin miễn trả lại bản cảo. — T.T.

Du - ký

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA BỂ

Số 9

NHẬT-NHAM

CHỢ-ĐIỀN xưa kia sầm-uất hồi loạn lạc không còn một chút di tích đáng để làm ghi ! Muốn khuyếch trương nền kinh-tế miền này, gia-đệ đương cho mở lại Chợ-điền ngay gần xóm viên Phó-tổng, để các vùng lân-cận đến họp cho gần và tiện-lợi. Một khi chợ này lại xuất-hiện, thợ và phụ mỏ Pinh - trai sẽ tới động để tiêu - thụ rất nhiều hóa - phẩm. Miền này sẽ vãn hồi cảnh - tượng phồn thịnh khi xưa.

Cạnh nhà viên Phó - tổng, còn nhiều nhà làm theo kiến-trúc Tàu ở liên-tiếp thành một dãy phố, trông có vẻ ưa nhìn.

Ngoài sân trước nhà viên Phó-tổng có một cây đo nước mưa, để xem độ lượng thác Đầu-đẳng trên sông Năng (gần hồ Ba bể) mỗi tháng Chính phủ phụ cấp cho 4p00.

Tại Khâu-cà, cách đấy 5 cây số, cũng có một cây đo nước như thế.

Nghỉ một lúc, các chức dịch ngồi nghe quan hiểu-dụ về các công việc chính-trị. Tiện - thể các chức-dịch nộp quan các giấy má và các số tiền thuế tạp-phụ mới thu được.

Ăn cơm trưa song, chúng tôi lại lên đường, có mấy người chức-dịch cưỡi ngựa theo sau. Một đoàn người ngựa giong ruổi trên đường độc đạo, kéo dài trên dải non nước bao la : khi qua thung-lũng ruộng lúa xanh rì, khi qua đồi núi gập ghềnh, quanh co khúc khuỷu, thỉnh thoảng quay đầu nhìn lại, trông thực lạc-quan ! Mỗi khi qua một làng, lại thêm một vài kỳ-lý đứng nghênh-tiếp, rồi nhập đoàn cùng đi.

Đến cây số 27 thuộc địa-phận xã Như-viễn, đã có đông - đủ tất cả Tổng-Lý đứng chờ.

Rồi cả đoàn chúng tôi đều lội theo giòng suối, quanh bờ ruộng lên nhà lý-trưởng, Như-viễn ở ngay chân núi.

Nhà này là nhà sàn, trên thì người ở, dưới nuôi súc-vật.

Trèo thang lên đến cửa, đã thấy một bể gỗ chứa nước từ một cái máng nứa trên núi chảy xuống, ai nấy đều múc nước rửa chân, rồi đi chân không vào trong nhà.

Trên sàn nhà, giải cót tre, áp với bức vách, có kê hai cái giường gỗ giải chiếu. Bên tay phải là buồng. Giữa sàn là một cái bếp, lúc nào cũng đốt lửa, trên có một cái phên, để gác các thứ.

Bác lính-cơ số 11 nhanh nhẹn đem những đôi giầy của chúng tôi, gác ngay lên gác bếp để phơi. Chúng tôi lấy làm ngạc-nhiên ! Giá ở dưới suôi ta, chủ nhà đã cho thế là bất kính đối với vua bếp mà sẽ tỏ vẻ bất mãn. Trái lại, ở đây, chủ nhà còn đặt lại những đôi giày vào chính giữa cho có hơi nóng để chóng khô, mà vẫn vui vẻ như thường,

Tất cả những người có mặt ở đấy dù chủ nhà, dù khách cũng đều giúp nhau giết gà làm cơm, quây quần bên đống lửa làm vui. Tất cả vợ chồng con cái nhà Lý-trưởng cùng hàng xóm láng giềng cùng kéo đến, khách để ý xem chủ, chủ để ý xem khách, dưới ánh sáng tưng-bừng của những thanh củi rừng đang cháy. Có thể gọi là vui vậy.

Sau khi an tọa và uống vài chén nước, gia-đệ bèn hội tất cả Tổng-Lý Như-viễn lại giữa nhà, để hiểu-dụ về công việc quan, như việc trị-an, việc sửa-sang đường giao-thông, việc mở - mang canh - nông, kỹ-nghệ, vân vân. Đến đâu, gia - đệ đều dẫn giải cẩn-thận, Tổng-lý phần nhiều có học chữ quốc-ngữ, nên cũng nghe hiểu và xin tuân-hành.

Nhờ có ánh sáng mấy ngọn nến của chúng tôi, quang - cảnh bữa cơm thân-mật ở nhà Lý-trưởng trong lúc ấy tăng phần vui-vẻ.

Khi ăn, tôi thấy nhiều món là gia-sản của nhà chủ, chẳng hạn như thịt gà và thịt vịt luộc và dán, chấm với muối mỡ, canh măng nứa chua và món sào lòng với mộc-nhĩ.

Tôi nhân tự nghĩ : nhân-sinh mấy vật cần dùng, dân miền sơn - cước không hề thiếu thốn. Cứ hiện-trạng dân miền xuôi bây giờ thời gáo nước, thanh củi không phải đã dồi dào ! Thế mà người thổ trước, củi rừng, nước suối thừa thải đã đành, lại thóc chất đầy gác, gà lợn đầy gầm, vải dệt, áo may, măng rừng, củ núi, họa chăng có thiếu chỉ thiếu dầu muối, sắt, đồng phải mua của người. Mỗi khi mưa rét, công việc đồng, việc rừng nhàn nhã, đốt bếp giữa nhà, thổi nấu, vợ chồng con cháu sum họp quây quần, vừa sưởi, vừa dạy con cháu may vá, thêu thùa, vừa khuyên con cháu lấy đạo làm người, hưởng cảnh no ấm êm đềm. Cái lạc thú gia đình của họ có phần cực điểm !

Trước cảnh tượng một số đông chức dịch tới hội họp lại ăn uống một cách êm đềm, vui vẻ thân mật, chen vai, sát cánh, tôi lại tự nghĩ : dân Thổ, Mán và Nùng, tính chất hiền hậu thực thà, nên ăn ở với nhau rất thủy chung vui vẻ, không tham lấy của ai, hà hiếp ai bao giờ, Ở rải rác giữa miền rừng núi, họ không phải bận lòng tham muốn, khôn quan tâm đến sự tiến bộ của văn minh không bao giờ họ chịu rời chốn sơn lâm xuống đồng bằng, vì họ đã quen cảnh thanh u của rừng rậm, núi sâu, thích bạn với tiếng chim kêu, vượn hót, tiếng lá rụng xạc xào, tiếng suối reo róc-rách !

Cuộc đời đương buổi cạnh tranh, hơn được kém thua, lệ thường thiên - diễn, mà riêng người thổ-trước được yên hưởng một cuộc đời êm-đềm, đầy đủ và vô tư - lự, thực cũng là cái hạnh - phúc của hóa-công dành cho người sơn-cước ! Dù có phải hi-sinh về phần vật-chất, nhưng so với dân trung-châu ta, họ vẫn còn nhiều phần vui sướng về tinh-thần. Đối với người thổ-trước, nhân-thế phải chăng là nơi khổ-hải ?

Đối với họ, mấy câu hát sau đây của cụ Nguyễn công Trứ phải chăng có một ý nghĩa rất thích-hợp :

« Riêng vui thú giang sơn, phong nguyệt ;
Mặc xa mã thị thành không dám biết
Thú yên hà trời đất để riêng ta... »

Cơm xong, vấn-đề du-ngoạn hồ Ba-bể được đem ra bàn - luận. Có nhiều tổng-lý tình nguyện tùy-tòng để làm hướng-đạo và cử một viên kỳ mục sáng hôm sau sang Ba bể sớm để thuê thuyền.

Mọi việc xếp-đặt đâu đấy, ai nấy đều đi ngủ để sáng mai khởi hành. Một ít tổng-chức lưu tại nhà lý-trưởng, còn các hương-chức đều tản nát đi ngủ nhờ các nhà gần đấy

Gần sáng, trời mưa rả-rích, làm tôi băn khoăn và nhớ tới câu :

« Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách ! »

Nằm trong màn, xa xa tiếng suối róc rách lưng đèo, bên tai, tiếng gà gáy giục xôn xao, càng sinh vô hạn cảm !

Mới mờ mờ sáng, gia-quyến Lý-trưởng đã dậy thịt gà, thổi cơm tẻ và cơm nếp nắm làm nhiều nắm, để tặng đoàn du-lịch đi ăn đường.

Bà cụ mẹ Lý-trưởng tuy đã ngoài bảy mươi mà xem chừng còn lanh lợi, ngồi giữa nhà, súc ngô đồ qua khe ván xuống gầm sàn cho gà, vịt, ngỗng ăn.

Một lúc sau, các nàng dâu và con gái bà cụ ăn mặc gọn ghẽ, giắt dao rừng, đeo dẫy ngang vai, đến gần bà cụ quỳ xuống. Và cụ cho mỗi người một miếng giầu. Rồi ai nấy cúi đầu chào bà cụ, tản nát vào rừng hay ra cánh đồng làm việc bổn phận.

Trông ra ngoài, qua khe liếp, thấy trước nhà bên cạnh, ba cô thiếu nữ ngồi say ngô theo một điệu dịp - dàng như giọt mưa thánh thót. Các cô « vui-vẻ trẻ-trung » trọng việc nữ-công, càng đáng vẻ đẹp của tuổi xuân trong lúc bình minh tươi-sáng.

Tại các nơi gần rừng núi, mưa nắng thất thường, nếu chọn ngày khô ráo để khởi hành, thì không bao giờ được như ý mà chỉ thêm mất thì giờ chờ đợi. Vì vậy, sáng hôm ấy tuy mưa không ngớt, song đã sẵn áo đi mưa, chúng tôi không hề thoái chí, nhất định lên đường.

Bấy giờ sáng, Các chức dịch đều tề tựu nghe quan chỉ dẫn các công việc quan một lần nữa, rồi cáo-từ ra về. Duy còn Chánh-Phó-tổng, Xã-đoàn ở lại làm hướng-đạo.

Sẵn đồ-hộp mang đi, chúng tôi yểm tâm qua loa, rồi cùng nhau lên đường đi hồ Ba bể.

Trên cánh đồng, dưới làn mưa bụi, nông dân đua nhau cày ruộng. Trong một thửa ruộng, đàn ông, đàn bà không phân giai cấp, nam nữ, cùng dắt trâu cùng cày. Lại có cả người thay trâu kéo cày, vì tại các vùng sơn cước, không có thợ cầy thuê, nên dân làng làm hộ lẫn nhau, cùng cầy một lúc cho chóng xong.

Họ thật đã thực-hành được câu ca dao này :

« Ai ơi, đừng bỏ ruộng hoang,
« Bạo nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu ! »

Cách một cây số, chúng tôi theo dọc một con sông mà đi. Sông này là sông Tả-điềng chảy từ xã Quảng-bạch, qua Đồng lạc và Như-viễn, rồi đổ vào hồ Ba bể. Giòng sông cuồn cuộn chảy mau, vì có nhiều nước mưa rừng dồn về. Tôi tỏ vẻ ngạc - nhiên ; sao không dùng thuyền, xuôi giòng sông, đến Ba-bể cho chóng ? Viên chánh-tổng cho biết không thể dùng con sông này làm đường thủy giao thông với Ba-bể là vì cách đấy không xa, sông chảy đến núi Pắc - Chản, phải chui qua chân núi, rồi mới chạy ra hồ Ba bể.

Đoàn du lịch qua trường học Như-viễn, một cái nhà tường nứa, lợp gianh, một ngăn kê bàn ghế, chung quanh có bờ rào tép bao bọc. Phong cảnh có vẻ tiêu điều !

Một lúc sau, đường quanh sang một dãy núi, Chúng tôi trông đỏ rực một góc rừng : Nhìn vào thấy có nhiều cây cổ thụ từ thân cây đến cành lá, đều mầu đỏ thắm mà trong khu rừng cây này, ẩn hiện một ngôi đền. Hỏi ra mới biết cây ấy tên là Mắc-túm, núi gọi núi Rầm, cấm nhân dân không được chặt cây, hái củi, hoặc làm nhà vào nơi này. Đền thuộc xã Như-viễn phụng-sự, thờ một vị nhân thần đời xưa, đã từng bình giặc giữ cho vùng này được yên ổn.

Người ngựa càng đi sâu vào một khu rừng rậm, trên một ngọn núi đá, dưới trận mưa hè rả rích, càng luôn luôn phải để ý đến những cọc vắt đốt chân.

Ngọn núi này là ngọn núi Keo-phường, làm giới hạn cho hai xã Như-viễn và Nam-mẫu tức là cho hai hạt Bản-ti và Chợ-rả.

Đến giữa rừng, đường độc đạo gồ ghề nhiều đá vừa rêu vừa chơn ngựa đi hay chượt chân, người không thể ngồi trên lưng ngựa được, ai nấy đều phải xuống ngựa rồi giao cho người dắt về ký tại xã Như-viễn để hôm sau dùng, chỉ đem theo hai con cho tôi và gia lục-đệ cưỡi về Phủ-thông ngày hôm sau.

Một quãng xa, đến một khu rừng xuất hiện những tảng đá to, trên có nhiều vết trông tựa như vết chân trâu in xuống mặt đá.

xem tiếp trang 16

NHẬT NHAM

Một thiên bút ký

KỶ-NIỆM SẦM-SƠN

PHẠM MẠNH-PHAN

(Tiếp theo và hết)

III — Sầm-Sơn huyền-ảo

SẦM - SƠN ! cả một bài thơ đẹp và mơ - mộng ! SẦM - SƠN với non nghìn biệt-thự xây giải - rác ở các nơi theo một kiến trúc đặc-biệt tối tân đã quyến-rũ bao khách phương xa tấp-nập.

Sầm-sơn với trái núi đá quanh co khấp khỉu, với chùa Độc Cước, với hòn Trống Mái với bãi biển rộng-rãi bao la đã là nơi tụ họp của biết bao trai tài gái sắc, đã là chỗ hẹn hò của biết bao trái tim đa cảm !

Sầm-sơn với rừng thông xa tít, với rặng phi lao rào rạt, đã chứng kiến biết bao cuộc gặp gỡ nên thơ, đã được nghe biết bao lời ân-ái trong khoảng đêm trường tĩnh mịch.

Nơi nghỉ mát ấy đủ mãnh-lực để ru ngủ lòng người, đủ phép tiên để hàn gắn những vết thương lòng và đủ quyền thế để chinh phục các khách viễn - du phải xao xưa và mến tiếc.

Ra Sầm - sơn khách chẳng muốn về. Lìa Sầm-sơn khách lòng bâng-khuâng xao-xuyến ! Khách nhớ tới những buổi chiều tắm bể với những nàng tiên sinh đẹp với những thâu hình trắng nuột mà nước biển vô-tình in hằn trên áo tắm những nét thẳng đường cong. Khách ôn lại những khi rỡn đùa với làn sóng bạc rồn rập tự ngoài khơi đưa lại với những lúc đêm khuya thanh vắng, tắm ánh trăng trong mà nghe gió rì - rào ca hát trên ngọn thông xanh !

Ai đến Sầm-sơn lòng cũng thấy như nhẹ nhàng và thanh thản. Ai ở Sầm-sơn tâm hồn cũng thấy khoan-khoái và trong trẻo.

Xa Sầm-sơn, người ta những mong một phen trở lại. Người ta nhớ tới một khoảng trời êm dịu ấy để ngắm cảnh bể rộng mênh mông, phương trời xa thẳm với những con thuyền của ngư phủ rập rình đầu ngọn sóng !

Sầm-sơn đã là nguồn ngâm vịnh của bao tao nhân mặc khách, đã làm say-sưa biết bao khách đa tình.

Sầm-sơn là nơi tiên cảnh để reo - rắc trong những tâm hồn thiếu-nữ thơ ngây biết bao mộng đẹp du dương với biết bao bâng-khuâng tưởng nhớ,

Vì Sầm-sơn, những ai lẻ bạn vì đêm trường trằn-trọc mà trạnh niềm hiu quạnh...

IV — Người đâu gặp gỡ !

Tôi tiếc chẳng là thi nhân để cùng Nàng Thơ làm bạn với gió sớm mây chiều mà lựa vần hạ chữa nên câu tuyệt diệu, vì Sầm-sơn đã reo rắc vào lòng người biết bao cảm tình chan chứa.

Tôi tiếc chẳng là một nhạc gia để những khi từ giã Sầm-sơn một phen tưởng tới, lựa phiếm xe tơ cùng cây đàn thân yêu mà ca gợi những sợi tơ lòng, để làm sống lại những giờ êm ái vì đâu mà có.

Nói tới Sầm sơn tôi quên làm sao được N, người bạn gái tình cờ tôi đã gặp !

Người ấy chỉ là một khách viễn du như nhiều thiếu nữ khác đi tìm gió lạ mà làm bạn với cảnh trời, mây nước. Người ấy có một tâm hồn lãng mạn nên thơ đã ngấy cảnh phồn hoa rộn rịp mà cùng người chị gái ra Sầm sơn đổi gió. Nhưng lúc một mình một bóng người ấy đã thấy lòng mình hoang mang trống trải như thiếu thốn một tình yêu ấp ủ...

N... ở chung với chúng tôi một khách sạn. Và buồng chúng tôi chỉ cách nhau một lối đi. Trừ những khi bận việc còn chúng tôi vẫn thường họp mặt trong một gian nhà rộng rãi. Lúc ra vào, khi đi đứng, tôi đã nhận thấy N... đượm vẻ tự nhiên mộc mạc khiến cho lòng tôi rễ cảm.

Ở chỗ nghỉ mát xa lạ được gặp một người bạn gái không thớ-lợ với vẻ mặt lúc nào cũng tươi cười nhã nhặn, phải chăng đó là một sự may mắn nên thơ ?

Một ngày đầu chung tôi còn là những khách viễn-phương xa lạ.

Một ngày đầu chúng tôi còn bỡ bâng khuâng. Chúng tôi chỉ mời mời chào nhau bằng những lời xã - giao thường lệ.

Và sau những giờ chuyện vãn, sau những khi đó ý nhau những tiếng nói câu cười, sau những lúc lòng đã hiểu lòng, chúng tôi đã trở nên đôi bạn.

Người bạn trẻ đồng hành của tôi thấy chúng tôi ra chiều thân mật nên cũng mặc chúng tôi mà không muốn thọc gậy bánh xe. Anh cũng hiểu anh lúc này là một người thừa...

Anh đi chơi núi cho đỡ lẻ loi, đi thăm chợ với người bạn riêng mà mặc chúng tôi nhỏ to trò chuyện.

Những lúc về nhà trông thấy chúng tôi anh chỉ tủm tỉm cười và sẽ riễu chúng tôi một cách bỡng bẩy xa xôi. Nhường như người bạn gái của tôi cũng hiểu nên những lúc đó sẽ nhìn chúng tôi mà để nhếch nở một nụ cười trên làn môi thắm.

Người chị gái của cô như có độ lượng nên cũng mặc cho chúng tôi cười chung bóng ngoài những lúc đi tắm bể.

Ngay trước mặt khách sạn, nhìn những bộ hành thong thả rong chơi, người bạn gái và tôi song song đôi ghế đã nói nhiều với nhau trong những đêm hè mát mẻ, dưới ánh lờ mờ của mặt trăng lơ lửng.

Không hiểu sao trong những buổi đó những câu chuyện của chúng tôi đã không bao giờ hết. Và lúc này, ngồi viết vài giòng bút ký đây hiến bạn đọc, tôi cũng không hiểu tôi đã nói những gì trong những ngày ấy. Câu chuyện của chúng tôi có khi bắt đầu từ 8 giờ tối và tới quá nửa đêm rồi mới chia tay đi nghỉ !

Nào những khi rạo chơi dưới rặng cây um tùm mát mẻ của đường phố Sầm-sơn, nào những khi đứng nghe hát đủn trong đêm khuya khoắt, nào những lúc ngắm làn sóng rầm-rộ đuổi nhau tự ngoài khơi, chúng tôi đã là đôi bạn lòng vì đã rõ nhau ít nhiều tâm tình và tư tưởng.

Chúng tôi là những người dản-dị và mộc-mạc nên chúng tôi đã nói với nhau những lời chân thật không hoa mỹ.

Tuy thân mật nhưng chúng tôi vẫn giữ được vẻ nghiêm trang đứng đắn trước mặt mọi người, không chút lả lơi, không lời bay bướm, mặc dầu trong thâm tâm chúng tôi ngoài tình bè bạn như thấy chớm nở một cái gì xa lạ.

Người bạn gái của tôi không phải là hạng tuyệt sắc giai nhân nhưng trái lại có những cử chỉ rễ gây thiện cảm.

Trong những ngày cùng chung khách sạn tôi thấy lòng tôi trở lại sáng ngời và cảm thấy cuộc sống lứa đôi là êm-dịu, cần để ấp-ủ lòng người những giờ hiu quạnh.

Đã từ lâu tôi đã là người lẻ bạn. Sớm lập gia đình trong những ngày còn là cậu học sinh trong trường trung học Sarraut tôi đã biết trong một thời gian ngắn những thi vị của đời tình ái.

Nhưng, hỡi ơi, thần số mệnh đã độc ác với bạn tôi yêu nên trong buồng rộng của một bệnh viện tư, bạn tôi đã nhắm mắt từ trần mà để lại cho tôi trong đời niềm thiếu bao nỗi tiếc thương, bao niềm tưởng nhớ !

Đến nay, tôi đã sống một cuộc đời bình thản, không đi-ân không chút hẹn-hò.

Lòng tôi, mặc dầu đang trong buổi lấy tình yêu làm kế sống ở đời, đã như mặt nước hồ thu phẳng lặng.

Ngày ấy qua ngày khác lại qua, tôi đã sống những ngày dản dị, lòng không gợn sóng yêu đương, vì chiếc đàn lòng của tôi đã phiếm long, giây đứt từ lâu, dầu tôi có cố tình gắn phiếm nối giây thì tiếng tơ đồng cũng kém vẻ thanh !

Nên chi tôi đã trong bấy nhiêu 'âu vui chịu cảnh phòng không vắng bạn mà những ôm mộng đẹp có giờ nhàn rỗi để mong gây dựng một sự-nghiệp trên chốn văn đàn.

Cuộc gặp gỡ của N. với tôi đã làm tôi trong những ngày gần gụi lãng quên những tư tưởng ấy. Tâm hồn tôi đã chiến m'ên trong những ngày qua về những cảm giác hay bởi tìm trong tiếng nói câu cười của người bạn gái.

Những ngày vui vẫn thường chóng tàn, vì N sắp. phải xa chúng tôi để trở lại quê nhà.

Sau bữa tiệc tiễn hành. một sớm hè mưa gió người bạn gái của tôi đã từ giã chúng tôi mà quay gót trở về.

Trước khi lên xe, tôi đã nói với N. một câu tuy hơi sáo nhưng ngụ nhiều ý nghĩa :

— Cô ra về cảnh Sầm sơn đang tươi đẹp cũng phải sụt sùi giỗ lệ.

N. chìa tay ra bắt và tôi thấy chúng tôi đã cầm tay nhau một cách chặt chẽ hơn nhiều.

Trong phút biệt ly phải chăng lòng chúng tôi đã hoang mang bát ngát và mặt nhìn mặt, tay cầm tay chúng tôi đã muốn nói nhiều với nhau những điều mà chúng tôi e lệ trước mặt mọi người.

Người bạn gái của tôi ra đi, quang cảnh chỗ chúng tôi ở như thấy thiếu một cái gì nâng đỡ và như phảng phất nhuộm một vẻ buồn man mác !

Những ngày chúng tôi ở lại là những ngày tẻ ngắt vô thi vị vì trời đổ mưa tầm-tã mấy hôm liền.

Ngồi buồn trong khách sạn nhớ tới N đã trở về Hà, tôi tuy không đến nỗi lòng nổi cơn mưa gió nhưng cũng bâng khuâng vì nỗi nhớ nhung xao · xuyến. Tôi chợt sẽ ngâm mấy câu thơ Kiều ;

« Gió chiều như gợi cơn sầu,
« Bóng lau hiu hắt như mầu khơi trêu
« Tình riêng nhớ ít tưởng nhiều...

Và tôi tự nhủ : « Đã biết có phút chia tay thì thà đừng gặp gỡ vì gặp gỡ làm chi thêm bận lòng nhau..

Hè năm 1942
PHẠM-MANH-PHAN

Quê người

tiếp theo trang 10

Thằng Toản — cháu bà Ba mất vợ hóa điên Thế là người ta bảo nó có cốt đồng nhập. Và người ta gọi nó là *cô đồng* Toản. Người ta sùng-bái *cô đồng*. Người ta cúng kiến buôn ở nhà *cô đồng*, để một ngày kia xảy ra hỏa hoạn, vì sơ ý trong việc nhang đèn.

Mà trong thôn quê, mỗi một lần có nạn cháy nhà, là xảy ra nhiều chuyện giựt đồ ăn cắp tài vật của nạn-nhân. Trong dịp ấy, « có những nhà ở rất xa, cuối gió, nhưng người ta có thù hằn, bè nhau đến kéo đổ, chủ nhà phản đối. Thế là đánh nhau liền » (trang 304).

.·.

Quê người là tổng hợp của nhiều cảnh đời, nhiều nhân vật vừa hài vừa bi, quanh năm sống vất vả sau lũy tre xanh. Tác giả *Quê người* là tay thợ nề khéo, chỉ đưa qua những nhát bay giản-dị, đủ tô nên bức tường lớn phẳng-phiu.

Những nhát bay giản-dị là nghệ-thuật Tô Hoài: câu văn ngắn mà đầy nghĩa và linh động, nhờ những chữ không cầu-kỳ mà đặt đúng chỗ.

Còn bức tường lớn phẳng phiu, mà có người không bằng lòng đem quyển *Quê người* đối chiếu. Cũng hữu lý thay người ấy! Vì *Quê người* với nhiều nhân vật của nó, xem thoáng qua như không được « phẳng-phiu ». Phẳng-phiu ở đây có nghĩa là trật-tự. *Quê người* bề ngoài hình như thiếu trật tự..

Nhưng với một quan-niệm nghệ-thuật rộng rãi (2), chúng ta sẽ thấy được trật-tự nội tại (ordre immanente) của nó.

.·.

Bộ truyện đồng quê, bộ « nhân sinh hí kịch sau lũy tre xanh » ở đất Bắc, lần lượt Khái Hưng, Trần Tiêu, Tô Hoài.. cùng nhau góp bút tô-điểm.

Những cảnh « bùn lầy nước đọng », ngày nay ở Bắc-hà đã được những bốn cây bút xứng đáng lưu tâm đem ra ánh sáng...

Từ lâu, thôn quê Nam kỳ cũng được Hồ biểu-Chánh dùng làm đề mục cho những tiểu thuyết xã-hội *Con nhà nghèo, Ngọn cỏ gió đùa, Cay đắng mùi đời*..

Nhưng sau Khái-Hưng, còn có Trần Tiêu, Tô-Hoài...

Sau Hồ biểu-Chánh, chỉ có Hồ biểu-Chánh hay sao?

Nếu thế, đáng buồn thay cho làng tiểu-thuyết Nam-kỳ!

KIỀU THANH-QUẾ

---

1) Đời nay xuất bản năm 1941.

2) Quan-niệm nghệ thuật ấy, chúng tôi đã thử phát biểu trong quyển *Phê bình văn học I*, trang 119-121.

Tàn-tạ

Hoa rụng tơi bời, lá ngẩn ngơ,
Nhạc hồng vắng tiếng, dứt đường tơ!
Thương cảnh biếc cũ, chim xào-xạc;
Nhớ nhụy vàng xưa, bướm thẫn thờ.
Xơ xác một vườn muôn cánh mỏng!
Lạnh lùng bốn hướng những hồn mơ.
Hoài xuân thiếu-nữ bâng-khuâng mộng...
Ngày tháng phôi-pha, ngấn lệ mờ.

Cô CẨM-LAI

Đón coi số tới:

1) Thơ Đường ở Nhật-bản, IV.
của BÁCH-THẢO-SƯƠNG Tiên-nữ

2) Một người có công với y-học Việt-nam: ông Lê hữu-Trác.
của TIÊN-ĐÀM

3, Trái tim tráng-sĩ
Thơ dịch của NGUYỄN HUY-TƯỞNG

4, Cách viết khoa-học
của NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

Từ Hanoi đến hồ Ba-bể

tiếp theo trang 13

Viên chánh tổng dừng lại chỉ cho tôi biết những vết chân trâu và kể chuyện đó là đường đi của một con trâu bạc chạy từ mỏ Bản-tị sang mỏ Tinh-túc Cao bằng, in vết chân xuống những tảng đá ấy. Chính những tảng đá này làm phân giới cho miền Ba bể. Vùng Ba-bể bắt đầu từ đấy.

Trong khi đứng xem vết chân trâu, mấy tên lính dõng đã chặt cành cây làm gậy tặng chúng tôi mỗi người một chiếc để chống cho khỏi trơn ngã.

Một cây số sau, ra khỏi rừng. Có mấy cây cổ-thụ to đồ nằm ngang đường, phải leo qua mới đi được, rồi từ từ theo sườn núi xuống đồng bằng.

Một cánh đồng phì nhiêu giồng ngô Xa xá sông Tả-điềng lại xuất hiện. Qua ruộng ngô, đến bờ sông đã trông thấy hồ Ba-bể. Chúng tôi đều mừng và có một cảm tưởng man mác...Mới từ trong một khu rừng cây cối um tùm, bước chân xuống một cánh đồng bằng, thấy xuất hiện ngay một làn nước biếc bao lạ dưới chân mấy dãy núi đá. Du khách khỏi sao có vẻ ngạc nhiên khi thấy tại miền rừng núi địa thế hẹp hòi lại có một khu vực mênh mông những nước dưới trời xanh.

Nơi chúng tôi dừng chân đứng ngắm là địa phận Bó lù, một xóm của dân chài lưới miền Ba-bể. Chính đây là cửa sông Tả-điềng sau khi chui qua chân núi Pắc-chản chảy ra bể Pé lù là một bể trong ba bể Pé lù, Pé lầm, Pé leèng. Bên kia bờ sông, có nhiều thuyền độc mộc cắm sào.

Như đã định trước, viên kỳ mục đã sang Bó lù từ gà gáy để thuê thuyền, nên đã thấy hai chiếc thuyền độc mộc ghép liền vào nhau để đi trên nước cho được vững chãi.

còn nữa

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 44 Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV

Kim Vân Kiều

(bài nối)

BẢN nôm in ở Quán-văn-đường chép câu 81 như sau :

Lòng đâu sẵn mối *thương tâm.*

Bản Kinh của cụ Kiều-oánh-Mậu in là :

Lòng đâu sẵn món *thương tâm*

Những bản quốc-ngữ như bản của ông Nguyễn-văn-Vĩnh cũng chép như thế.

Câu 88, cụ Kiều-oánh-Mậu chép là :

Khéo hay *thác xuống làm ma không chồng !*

Hiệu Quán-văn-đường và ông Nguyễn-văn-Vĩnh in là :

Hại thay ! *thác xuống làm ma không chồng !*

Câu 90, ông Nguyễn-văn-Vĩnh chép là :

Nào người tích-*lục tham-hồng là ai ?*

Trong bản chữ-nôm có viết chữ *tích*, nghĩa là tiếc. Chữ *tiếc* không có chữ nôm, phải đọc *tích* là *tiếc*, và chép ra quốc-ngữ là :

Nào người tiếc *lục tham hồng là ai ?*

Tiếc đối với *tham*, là hai tiếng nôm : nếu đọc là *tích lục* thì không rõ nghĩa.

Sẵn đây ta kiếm *một vài nén hương.*

Quyển *Kiều* chữ Hán có câu : « Kiều toát thổ vi hương », Kiều vuốt đất làm hương, thế thì chữ *kiếm* phải nghĩa hơn chữ *thắp*. Các bản chữ nôm đều viết là *kiếm* cả. Hoặc có người bẻ rằng : vì có chữ *sẵn đây*, nên bản quốc-ngữ chữa là .

San đây ta thắp *một vài nén hương.*

Nhưng chữ *sẵn đây* nghĩa là nhân tiện có Kiều ở đây, chứ chưa chắc là đã sẵn có hương.

Cụ Kiều-oánh-Mậu (*Đoạn-trường tân-thanh*, tờ 3 a) chép câu 95 là :

Lầm-rầm khăn-khứa nhỏ to.

Sách Quán-văn-đường và Nguyễn-văn-Vĩnh chép là :

Lầm-rầm khấn vái *nhỏ to.*

Khấn-khứa có lẽ đúng hơn, vì ở đây cụ Nguyễn Dụ có ý nói người mê-tín tà-thần ; *khấn vái*, là kêu khấn những vị chính-thần.

Lại càng đứng sững *tần-ngần* chửa *ra-*

Theo bản Kinh của cụ Kiều-oánh-Mậu (*Đoạn-trường tân-thanh*, tờ 3 b). Bản nôm của Quán-văn Đường và bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh

Nhà xuất bản « NGUYỄN DU »

Đường 206bis *số 11, Hà-nội*

MỚI CÓ BÁN :

BÀ QUÂN MỸ

Lịch sử tiểu thuyết của CHU THIÊN

Cả một tấm gương tiết-liệt cho phái nữ-lưu.

Mới phát hành : Giá : 1p00

TẬP - KIỀU

Tập văn rất tài tình của TỬ FOANH

. Có 8 phụ bản của họa sĩ Nguyễn Đức Nùng

Đã hết : Giá 1p00

TRÊN ĐƯỜNG NGHỆ THUẬT...

của Vũ-Ngọc Phan

(sẽ tái bản nay mai)

Đón xem : RĂNG ĐEN *của cô* Anh Thơ

THANH LỊCH *của bà* Vân-Đài

« THU » *thơ của* Đỗ cẩm Văn

Đang in

VIỆT - NAM

CỔ VĂN HỌC SỬ'

tác giả Nguyễn đổng-Chi, *tựa của* Trần-v-Giáp

Lời bạt *của* HUỲNH THÚC-KHANG

500 trang — Bìa của Nguyễn đỗ Cung —

Giá 4p50 — Bản Impérial d'Annam : 25p —

Bản dó lụa sông Thao : 20p —

Bản Super Glacé ; 15p

Ai gửi tiền mua trước ngày 1er Octobre 1942 sẽ được trừ 10% và không phải trả tiền bưu phí

→ **HÀN - HUYÊN**

— *71 Tien Tsin Hanoi*

thì in là :

Lại càng đứng lặng tần-ngần chẳng ra.

Câu 104, Quán - văn - đường chép là :

Sầu tuôn lai-láng, *châu sa vắn dài.*

Cụ Kiều - oánh - Mậu và ông Nguyễn-văn-Vĩnh chép là :

Sầu tuôn đứt nối, *châu sa vắn dài.*

Câu 114, ông Nguyễn-văn-Vĩnh chép là :

Bóng chiều đã ngả dặm hòe *còn xa !*

và chua rằng : « Thường chữa ra : *dặm về,* nhưng để vậy *dặm hòe,* cũng phải. Những đường đi bên Tàu hai bên hay trồng hòe ».

Bản Kinh của cụ Kiều-oánh-Mậu chép là :

Bóng chiều đã ngả dặm về *còn xa !*

Có lẽ đúng hơn, vì nghĩa câu này là ngày đã tối mà đường về còn xa : nếu chữa làm chữ *hòe* thì thiếu nghĩa.

Trông chừng thấy một văn-nhân,
Lỏng buông tay khấu, bước lần dặm bằng.

Chữ *bằng* này nghĩa là xa, ta có tiếng *xa băng,* và bên chữ Hán có câu : « Kim-sinh thừa mã viễn viễn nhi lai », Kim-sinh cưỡi ngựa xa xa mà lại.

Kiều vâng lĩnh ý đề bài,
Tay tiên một vẫy đủ mười khúc ngâm.

Có nhiều bản viết chữ *vẫy* là chữ *vẻ.* Chữ *vẫy* do chữ Hán là *huy : huy hào* là cầm bút.

Dãy rằng : « *Mộng*-triệu chắc *đâu ?*

Có bản chép là :

Dạy rằng : « *Mộng-triệu nghĩ nao ?* hoặc *nghĩ đâu ?*

Bản quốc-ngữ của ông Nguyễn văn-Vĩnh chép là :

Dạy rằng : « *Mộng-ảo cứ đâu ?*

Cụ Kiều-oánh-Mậu và ông Nguyễn văn-Vĩnh đều chép :

Ngoài song thỏ-thẻ oanh vàng,
Nách tường bông liễu bay sang láng-diềng.

Có bản chép câu dưới là :

Nách tường bông liễu bay ngang trước mành.

Cụ Kiều-oánh-Mậu nói chữ *trước mành* sai vần, mà bản chữ Hán có chữ « quá lân tường » thì bản Kinh viết ba chữ *sang láng-diềng* phải hơn.

Hiên tà gác bóng nghiêng-nghiêng.

Có bản phép là *chênh-chênh.*

Sầu đong càng gạt *càng đầy.*

Ông Nguyễn văn-Vĩnh chép là :

Sầu đong càng lắc càng đầy, và chua rằng : « Đong gạo, đong thóc thì càng lắc càng vơi xuống; đong cái sầu thì càng lắc nó càng sầu thêm ». Nghe cũng có lý, nhưng bản kinh của cụ Kiều oánh-Mậu viết là *gạt,* nghĩa là đưa một vật gì, như miếng gỗ phẳng chẳng hạn, sát ngang trên miệng đồ đong, để bỏ phần thừa đi, nghĩa cũng thế.

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông-Pháp

1p.00 một vé

Những sách của

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133 Rue du Coton Hanoi

1·) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn- quang-Oánh, sach đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p.25
2·) *Việt nam văn phạm,* Trần-trọng-Kim 2 p.50
3·) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3 p.50
4·) *Phật lục,* Trần-trọng-Kim 0 p.80
5) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duy-Khiêm 1 p.50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim. 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15 %.

VŨ-NGỌC-PHAN

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

Toàn bộ 4 quyển — Mỗi quyển 2p
Loại sách đẹp giấy lụa dó 10p

Đã có bán quyển I

Những nhà văn hồi mới có chữ quốc-ngữ — Nhóm « Đông - dương tạp chí » — Nhóm « Nam-Phong tạp-chí ».

Có 12 bức ảnh các nhà văn

Xuất bản trong « Tủ sách Tao Đàn »
Nhà Xuất-bản Tân-Dân

Mua sách xin gửi tiền trước, cả cước mỗi quyển là 0p30.

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

Mandat gửi về : Nhà in Tân-Dân
93, Phố Hàng Bông Hanoi

Bia văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 39 — Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

TẤM bia thứ năm dựng ở sân Văn-miếu Hà-nội đề là *Hồng-đức lục niên ất-mùi khoa tiến-sĩ đề danh ký*, nghĩa là bài ký đề tên tiến-sĩ khoa ất-mùi năm Hồng-đức thứ sáu, tức là năm 1475.

Bài bia dịch ra sau đây :

« Vua nước Việt ta đổi hiệu Hồng-đức đến nay là năm thứ sáu. Vừa kỳ đại-tỵ học-trò trong thiên-hạ đều đến trường thi hơn ba nghìn người. Qua bốn kỳ thi, được bốn-mươi-ba người hợp cách.

« Ngày 11 tháng 5, Hoàng-thượng ngự điện Kính-thiên, ban cho đầu bài, sai quan Sùng-tiến Trần-quốc Thượng-tướng-quân phò-mã đô-úy, Đông-quân đô-đốc-phủ tả-đô-đốc, Đoan-vũ-bá trụ-quốc là Trịnh-công-Lộ, Phụng-trực đại-phu Lại-bộ thượng-thư là Hoàng-nhân-Thiêm, Phụng-trực đại-phu Thái-tử Thiếu-bảo ngự-sử-đài đô-ngự-sử là Trần-Phong, Triều-liệt đại-phu Hàn-lâm-viện thị-độc kiêm Đông-các học-sĩ là Thân-nhân-Trung, Hiển-cung đại-phu Đông-các hiệu-thư là Đỗ-Nhuận, Mậu-lâm-lang Đông-các hiệu-thư là Quách-đình-Bảo, chia nhau mỗi người coi một việc, và dâng quyển lên đọc.

« Hoàng-thượng thân chọn lũ Vũ-tuấn-Chiêu cho đỗ tiến-sĩ cập-đệ, tiến-sĩ xuất-thân và đồng-tiến-sĩ xuất-thân, có thứ-tự, ân vinh lần-lượt, hết thảy theo phép cũ ; duy một việc dựng bia, các quan chưa kịp làm. Đến nay bộ Lễ vâng mệnh, chép đủ tên đỗ và thứ-tự để truy-khắc. Sắc cho thần là Lê-ngạn-Tuấn làm bài bi ký này. Kẻ hạ-thần kính vâng mệnh lớn, lấy làm kính-cẩn sợ-hãi, xin chắp tay cúi đầu mà dâng lời nói rằng :

« Hiền-tài đối với quốc-gia cũng như người có nguyên-khí, không thể một ngày nào là không có. Song kén-chọn phải có đường-lối, khuyến-khích phải có phương-pháp. Như đời xưa nhà Thành-Chu, trong làng chọn học-trò giỏi, tiến lên quan tư-đồ, gọi là tuyển-sĩ ; quan tư-đồ chọn người tuyển-sĩ giỏi, tiến lên nhà Quốc-học, gọi là tạo-sĩ ; quan đại-tỵ-nhạc lại chọn người giỏi, tâu vua, rồi đưa lên quan tư-mã, gọi là tiến-sĩ. Phải kén-chọn rồi sau mới cho làm quan, dùng làm quan rồi sau mới phong tước. Kén-chọn như thế là kỹ-càng, khuyến-khích như thế là chu-đáo. Cho nên thời bấy giờ thơ Quyển-a có câu « Ái ái » là ví nhiều kẻ cát-sĩ. Thơ Vực-phác có câu « Bông bông » là ví nhiều người hiền-tài. Kinh Thi có câu « Tư hoàng đa sĩ, sinh thử Vương-quốc », tốt thay nhiều kẻ sĩ, sinh ở nước vua Văn-vương này. Lại có câu « Tề-tề đa sĩ, Văn vương dĩ ninh », rờ-rỡ nhiều kẻ sĩ, vua Văn-vương được yên, sự văn học được như thế, không phải là ngẫu nhiên.

« Kế đến Tùy, Đường, rồi đến Tống, Nguyên ; người trên sở-dĩ cầu, người dưới sở-dĩ tiến, hết thảy mượn cái tiếng thi học-trò làm lối dùng người.

Nhưng kỳ thực được người hiền tài để giúp trị, còn có chỗ dị-nghị.

« Bởi vậy đức Thái-tổ Cao-hoàng-đế Thánh-triều ta Lê-Lợi, 1418-1433), phấn chấn thần-vũ để dẹp yên trong nước, mở nền nhân-văn để khai-hóa thiên-hạ

« Đức Thái-tôn Văn hoàng-đế 1433-1442, gìn lòng nối trước, ngôi ở quân-sư, cổ-vũ nhanh như sấm gió, tác-thành khéo tựa lò giời. Từ năm Đại-bảo khai khoa 1442 cách-thức thi học-trò, phương-pháp dùng người hiền, cỗi gốc từ đấy.

« Đức Nhân-tôn hoàng-đế 1442-1459 nối khuôn-phép, theo mưu-hoạch, làm cho sáng tỏ thêm ra.

« Đức hoàng-thượng ta Lê Thánh-tôn, 1460-1497 nối theo nghiệp lớn, sáng tỏ công xưa, lê-nhạc điển-chương, rõ ràng thứ tự thanh-danh văn-vật rõ-rệt mở-mang ; việc mở học-hiệu, đặt ra

---

Thống chế Pétain đã nói :

« Các người cần nhất chẳng nên ngã lòng. Vì dù bản chức được quyền như vậy, thì đã ngã lòng từ lâu rồi. Bản chức sẽ gánh việc lớn cho đến khi hoàn-thành và mong rằng ai ai cũng nối theo gương đó ».

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM
Trịnh-như-Tấu
1 — Hưng yên địa chí Op.80
2 — Bắc giang địa chí 1 50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40
Đều có bán tại
Đông Tây thư quán
195 Phố Hàng Bông—Hanoi

khoa thi, lại càng chăm lo. Khi mới lên ngôi, chưa kịp làm việc gì khác, bắt đầu dựng nhà Thái-học, thứ đến mở khoa thi lấy người hiền, đặt ba lớp Quốc-tử giám, lấy thêm học-trò ; ấy là đốc lòng giáo dục đó. Thi hương, thi hội, thi đình, có ghi chép ; ấy là tỏ ý khuyên thưởng đó. Soạn văn chép việc, ấy là rõ sự thực đó.

« Cách lấy học-trò, phải trước đức-hạnh, sau mới văn-chương, tức là phép hay từ chỗ hương-cử lý-tuyển. Cách dùng người, phải trọng khí-thức hơn tài-nghề, tức là cái mỹ ý chọn định cách dùng người làm quan. Đều lệ khoa trường, lần lượt đủ cả như thế, mà lại lấy cái thực - tâm chuộng học-trò, làm được cái thực hiệu dùng học-trò : chắc là Tùy, Đường, Tống, Nguyên mộ hư-danh không thể ví nổi. Làm cho sự văn-học của người ta rõ-rệt, sự khai-hóa về đường cai-trị sáng-sủa, phấn - chấn đời sau, sáng tỏ đời trước, hơn nay lấn xưa : cái câu «Tề-tề dĩ ninh », — rờ-rỡ mới yên — há có phải nhà Thành-Chu được tiếng một mình đâu ?

« Khoa này là khoa thứ năm về đời Trung hưng tìm khắp rất rộng, kén chọn rất kỹ cho nên được người hiền-tài, một thời khen thịnh. Nay đều ra làm các chức, hoặc giúp việc bàn-định, hoặc hầu nơi cấm-cận hoặc ở chỗ phong-xương, hoặc giữ quyền thẩm-phán ; cũng có người làm chức ghi chép để làm khuôn phép, cũng có người làm chức dẹp loạn để yên dân. Há chẳng nghĩ gìn-giữ sơ-tâm, phấn khích tiết lớn, nối thanh-danh rực rỡ, dựng công-nghiệp vẻ-vang, ngõ hầu trên không phụ ơn cất-đặt của triều-đình, dưới không phụ chí hoài-bão khi bình sinh.

« Thẳng hoặc không thế, đời sau sẽ có người trỏ mà nghị-luận rằng : « Người này trung-cần, người này gian-ngụy: người này lấy thanh-liêm làm phép-tắc cho mình, người này tham-lam để đến nỗi mất quan, người này trung-trực như Cấp - Ẩm, như Ngụy - Trưng, người này gian-nịch như Tào-Thử, như Lý-Chí người này ra làm quan mà nổi tiếng người này truyền kinh để dạy đời » : hẳn không thể tránh khỏi công-nghị của miệng đời.

« Vậy thì phiến đá này dựng lên, chẳng những là nêu thanh danh, lưu tiếng tốt, khoe những kẻ sĩ một thời vẻ-vang mà thôi đâu : cái thâm - ý khuyên - răn thực ngụ trong đó. Kẻ hạ-thần trăm lạy kính chép, để khuyên người đương-thời sắp vào thi, nên tự cố-gắng. Thần cẩn ký.

« Đông-các hiệu-thư mẫn sự tả-lang, Lê-ngạn-Tuấn phụng sắc soạn. — Cần-sự-lang trung-thử giám-chính-tự, Thái-thúc-Liêm phụng sắc thư. — Mậu-lâm-lang kim-quang-môn đãi-chiếu, Tô-Ngại phụng sắc triện.

« Bia dựng ngày rằm tháng tám năm Hồng-đức thứ mười lăm

(còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Sách mới

Chúng tôi đã nhận được :

1) *Bà tể tướng* trong loại « Nhi đồng họa bản » của Vũ-trọng-Can do Kiến - Thiết xuất bản. Giá 0 p. 25

2) *Jésus-Christ* trong tủ sách « Những tấm gương sáng » của Hiếu-Đức.

Sách giấy 89 trang. Giá 0 p. 60

3) *Truyện Quê* gồm có năm tiểu-thuyết ngắn của Trần-Tiêu. Sách giấy 118 trang. Giá 1 p 00

(Hai quyển trên đều do nhà xuất bản *« Lượm lúa Vàng »* 49 Tiên Tsin Hanoi gửi tặng).

Xin cảm - ơn và giới - thiệu cùng bạn đọc.

T. T.

Hộp thư

Ô. Hoàng sĩ-Trinh Huế,— Cách đây rằm tháng, bản chí có nhận được mấy bài thơ gửi đến, bài thì ký là T. bài thì ký là Sĩ-Trinh. Tòa soạn chỉ lựa lấy bài « Đài-hoang » mà đăng ở số 53, trang 21, dưới ký là T., như trong bản cảo đã viết. Nay ông muốn ký rõ là « Hoàng sĩ-Trinh », thế càng hay. Duy câu thứ tư, ông muốn sửa là *« gạch tường lã-chã, lã-chã rụng »* và câu thứ chín sửa là *« mà nghĩ thương cho người Hạng-Võ »* thì tưởng không bằng những câu đã đăng đấy. Vì « lã-chã », người ta thường dùng vào những khi nước mắt chan hòa, như nói « giọt châu lã-chã », chứ không thể nói gạch rụng lã-chã được. Còn mấy chữ *« mà nghĩ thương cho . »* thì tầm-thường quá. Vậy xin tùy ông lựa-chọn.

TÒA SOẠN

Hai quyển sách mà ai định học chữ nho hay đã biết chữ nho muốn biết thêm :

Chữ nho học lấy | **Mẹo chữ hán**

Cử nhân Dương Bá-Trạc soạn | Bùi Trình-Khiêm soạn

Giá 1p — Cước 0p12 | Giá 0p35 — Cước 0p06

Để cho : hiệu sách Đông Tây, 195 hàng Bông Hanoi

Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt-truyện »

Số 8 Thọ-xuân Lê văn-Phúc

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ - QUÁN	TẬP (1)	QUYỂN	TRANG	NÓC HỞ
ĐẠT 達 Phan-văn		Định-tường, Tân thạnh	N	41	14b	
ĐẠT » Trần-hưng	nhứt danh Trọng	Thừa-thiên, Hương trà	S	5	3b	
ĐẮC 得 Nguyễn-đình		Nghệ-an, Chơn lộc	S	18	5a	
ĐẮC » Nguyễn-văn		Biên-hòa, Phước chánh	S	15	2a	nay là vùng Tân-uyên
ĐẮC » Tôn-thất		Huế	N	11	1b	
ĐẮC » Tống-phước		Gia-định, Bình dương	S	17	6a	nay là vùng Sài-gòn
ĐĂNG 登 Nguyễn-khoa		Thừa-thiên, Hương trà	T	5	17b	
ĐĂNG » Nguyễn-văn		Phú-yên, Tuy hòa	S	14	13a	
ĐĂNG » Phạm-như		Quảng-nam	S	10	10a	
ĐẶNG 滕 Ngô-văn		không biết	S	8	31b	tử trận tại Ba-thắc
ĐẶNG 鄧 Trương-phước		Thanh-hóa, Qui hương	S	15	11a	
ĐẬU 豆 Châu-thị		Phú-yên, Đồng xuân	S	6	26b	em Châu văn-Tiếp
ĐẬU 斗 Võ-huy		Hải-dương	N	42	19a	
ĐẬU » Võ-tấn		Gia-định, Bình dương	S	15	21b	chết tại Hồ-môn (Quảng đông) thờ tại Gia-định Hiển-trung từ
ĐỀ 提 Lâm		không biết	S	19	7a	
ĐỀ » Lê-danh	tự Thạc-phủ	Thanh-hóa, Lôi dương	N	26	21a	
ĐỀ » Trần-công		Gia-định, Tân hòa	S	17	11a	nay Gò-công
ĐỆ 第 Đỗ-đăng	tự Thứ-khanh, hiệu Tòng-đường	Quảng-nghĩa, Bình sơn	N	34	2b	
ĐỆ » Nguyễn-đăng		Thuận-hóa Hương trà	T	5	2a	nguyên họ Trịnh, chá Nguyễn cư Trinh
ĐỀ 氏 Doãn		Nam-định Thư trì (2)	N	33	6a	
ĐỀ 禘 Nguyễn-thái	tự Khải-phủ	Nghệ-an, Lương sơn	N	37	8a	cũng đọc « Đễ »
ĐỀ » Trương-đăng		Quảng-nghĩa, Bình sơn	N	22	17b	
ĐỊCH 迪 Đặng-đức	tự Cửu-tuân	Nam-định, Giao thủy	N	37	9a	
ĐỊCH 迪 Ngô-văn		Sơn-tây, Bạch hạc	N	29	9a	
ĐỊCH » Nguyễn-tăng		Thừa-thiên, Đăng xương	S	12	10b	
ĐIỂM 店 Lê-văn		Thanh-hóa, Vĩnh lộc	N	39	22b	
ĐIỂM 點 Huỳnh-văn		Quảng-nam, Duy xuyên	S	16	23b	
ĐIỂM » Nguyễn-văn		Bình-định, Bồng sơn	N	40	27b	
ĐIỀN 田 Nguyên		Thừa-thiên, Hương trà	N	40	18b	
ĐIỀN 佃 Trần-văn		Vĩnh-long, Vĩnh bình	S	9	6b	nay là vùng Châu-thành Vĩnh-long
ĐIỀN 琠 Nguyễn-văn		Quảng-nam, Diên phước	N	18	13b	
ĐIỀN 典 Đinh-nho		Nghệ-an, Hương sơn	N	32	15b	
ĐIỀN 腆 Lê-phước		Thừa-thiên, Phú vang	S	13	6b	chết thay vua năm 1783
ĐIỀN » Lê-phước		Thừa-thiên, Hương trà	S	14	10a	chết tại Hà-trung bảo năm 1809
ĐIỀN 琠 Nguyễn-hữu	hiệu Qui-trai	Nghệ-an, Nam đàn	N	41	18b	
ĐIỀN 典 Nguyễn-văn	tự Tam-lễ	Quảng-nam, Diên phước	N	20	22a	
ĐIỀN » Phạm-văn		Thừa-thiên, Phú vang	N	15	1a	
ĐINH 丁 Nguyễn-quí		Sơn-tây, Bạch hạc	S	29	5a	
ĐỊNH 定 Lê-hoằng		Gia-định, Bình dương	S	20	4a	nay là vùng Sài-gòn
ĐỊNH » Lê-quang	tự Tri-chỉ, hiệu Tấn-trai	Thừa-thiên, Phú vang	S	11	1a	
ĐỊNH » Nguyễn-văn		An-giang, An xuyên	S	15	9a	nay Nha-mân Sa-đéc
ĐỊNH » Trần-đại		Biên-hòa	T	6	17b	con Trần thắng-Tài
ĐỊNH » Trương		Quảng-nghĩa, Bình sơn	N	38	26a	

(1) T. : Tiền - biên, S. : Sơ-tập, N. : Nhị-tập (2) nay thuộc Thái Bình

TIỂU-THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 17 của CHU-THIÊN

KHÔNG ngờ lão phu hôm nay lại được tiếp, đại-quan ở đây, thực là may lắm. lão-phu vốn mộ đại-danh, nay được gặp đây, xin có đôi lời bầy tỏ. « Sự thế thiên hạ tất là quyết liệt, chưa biết ra thế nào, vậy ngài định đi cao ẩn là phải, chớ ở nơi danh trường lợi - tầu, càng thêm phiền lụy mà thôi. Thượng-đế xét biết nhà ngài mấy đời tích thiện, nên đã tăng thọ kỳ cho và có tự-tục về sau. Rồi đây ngài sẽ gặp được duyên lành và sẽ lại được một nhà đoan-tụ.

Phan công vừa toan hỏi lại, chợt một cơn gió thổi động cành cây, ngài giật mình tỉnh dậy, té ra là một giấc mộng. Giời đã chiều tối. Ngài muốn đứng lên đi tìm nơi tạm trú, nhưng trong mình mỏi-mệt, giời lại rét, bụng thì đói, không thể đi ngay được. Vả ngài còn đương phân vân nghĩ về giấc mộng ngài lầm bầm nói một mình :

— Lạ cho giấc mộng kỳ-quái này. Nghĩ lời trong mộng, thì sự xum-họp một nhà còn có lẽ. Chớ như duyên lành thì khó tin lắm. Mình đã gần kề miệng lỗ, còn giai trẻ gì mà hòng gặp gỡ ai ! Thần nhân cũng khéo đa tình mà cợt đùa ta lắm !

Ngồi thừ một lúc, ngài lại tự-nghĩ

— Có lẽ ta mong - mỏi quá, mà thành tự-kỷ am-thị ra vậy, chứ có lý nào !

Bỗng lúc ấy một con rắn mang-hoa to tướng chạy vượt lướt đám cỏ lá đến chỗ Phan-công ngồi. Ngài chỉ còn kịp kêu dú lên được một tiếng kinh-khủng, không chạy đâu được nữa. Ngài giơ hai tay chực chống cự với con rắn độc đang nghển cổ phùng mang sắp lao vào mình, thì bộp một cái, một chiếc tên xiên đúng đầu con rắn nó nhảy tung lên quằn quại vật vào chỗ Phan-công. Ngài đứng né mình dịch ra và trông lên thấy một người đàn bà trạc ngoại ba mươi tuổi, tay cầm cung vai cài kiếm, vừa phi ngựa tới, có mấy con chó săn đi theo. Đằng sau lại có một thiếu niên cũng cỡi ngựa sáp tới.

Phan-công chắp tay vái chào, người đàn bà nghiêng mình đáp lễ lại, rồi dừng ngựa đợi thiếu niên. Phan-công mệt quá lại ngồi xuống gốc thông nhìn mấy con chó đang vờn sủa con rắn. Ngươi thiếu niên đến nơi vừa dưng ngựa, người đan bà đã bảo :

— Em nên xuống hỏi tường lai-lịch ông lão kia đi đâu lại vào đây, chắc là lỡ độ lầm đường, ta phải cứu người ta mới được.

Người thiếu - niên liền xuống ngựa, đến gần Phan-công, vái chào và hỏi :

— Cụ đi đâu mà gần tối rồi còn ngồi đây ?

Phan-công cũng đã đứng lên vái chào lại và nói :

— Thưa công-tử lão phu định sang Thái-nguyên nhưng đến đây nhọc quá, ngồi nghỉ thì vừa xảy ra việc con rắn độc lao đến chực cắn. Không gặp phu-nhân bắn kịp giết nó thì lão-phu này đã bị nạn rồi. Thật ơn tái tạo của phu-nhân lão phu xin ghi nhớ mãi mãi và không biết giời cô còn để cho kịp báo...

Thiếu-niên lễ-phép thưa :

— Dạ ! Cụ dạy thế, chứ chị em chúng tôi, con nhà hạ dân săn bắn, có phẩm-trật gì đâu mà cụ phải xưng hô làm vậy. Chẳng qua đi săn gặp ác thú độc sà thì phải bắn, chứ có ơn huệ gì mà cụ cứ quá nghĩ. Nhưng tôi xem ra cụ không phải là người đi chơi. Lúc này giặc cướp đầy đường, mà đây lại là nơi sơn lâm hiểm trở, những người vô sự, không ai dại gì mà quanh quẩn thế này. Chắc cụ có điều gì u-ẩn trong lòng. hay gặp phải biến-cố gì, cụ có thể nói rõ cho chúng tôi hay, may ra chúng tôi giúp được cụ một vài phần chăng ?

Phan-công cảm lời nói thành-thực của con người nho-nhã lễ-phép ấy và nhớ đến ơn người chị cứu mình thoát nạn rắn, liền kể rõ lai-lịch và ý nguyện của mình cho chàng nghe. Thiếu niên liền cung-kính nói rằng :

— À, té ra là quan Phan Thượng-thư, kẻ tiểu-dân này đường-đột thật là đắc tội. Xin thượng quan đại-xá cho...

Phan-công vội đáp :

— Công-tử quá khiêm dạy vậy. Thưa công-tử, lão phu đây bây giờ chỉ còn là một tội-nhân được thả ra, không nhà cửa... không...

— Dạ, lậy thượng-quan, bây giờ đi đâu cũng không tiện, tệ-xá ở ngay xóm Lưu-đạo về phía tây rừng này gần ngay đây, xin mời thượng-quan tạm về nghỉ ngơi, rồi ngài đi đâu, tiểu dân xin tiễn ngài ra khỏi địa phận rừng này. kẻo ngài mạo hiểm lúc này e xảy ra tai-nạn gì nguy-khốn chăng. Xin rước thượng - quan lên ngựa cùng về một thể.

Phan-công đành chỉ biết cảm tạ, rồi vui vẻ vâng lời theo thiếu-niên lại gần chỗ người đàn bà. Phan-công vái chào người đàn bà ấy một lần nữa. Người ấy cung-kính chào lại và nói :

— Kẻ tiện-dân vô lễ, xin thượng-quan vạn xá.

Thiếu-niên đỡ Phan-công lên ngựa và nói với người đàn bà :

— Thưa chị, em đã mời quan Thượng-thư về tạm nghỉ ở nhà ta.

Người kia tỏ vẻ kính-cẩn trông Phan-công và nói :

— Thật là đại-hạnh cho tệ-xá.

Hai người liền cho ngựa quay về nhà ở phía trong cùng xóm Lưu-đạo, biệt tịch vào giữa rừng. Đấy là một cái nhà sạch-sẽ rộng-rãi, nấp bóng dưới những cây to sầm-uất. Hai người làm cỗ thết đãi Phan-công, rồi thiếu-niên lên ngồi bên hầu chuyện. Phan-công mới hỏi duyên-cớ làm sao hai chị em lại đến ở giữa khu rừng này, Thiếu-niên vui kể kể rõ lai-lịch.

Thiếu-niên tên là Lương-Điền, cùng với chị ruột đây là Lương-Thoa mới đến ở đây được độ hơn mười năm, khi Lương-Điền hãy còn nhỏ. Cha mẹ mất sớm, Lương-Thoa bị kẻ cường-bào trong làng bắt ép lấy làm vợ và chiếm-đoạt cả gia-tài. Vốn dòng-dõi hào-trưởng và khẳng-khái, nàng Lương-Thoa không chịu để kẻ kia bắt nạt nhiệu bề, nàng sẵn tài quen săn bắn từ nhỏ, liền bỏ làng đem em vào rừng làm nhà để ở và dạy em săn bắn. Hơn mười năm giời, nàng đã lập nên cơ-nghiệp khá-giả, và dạy em thành tài. Các bạn rừng ai ai cũng phải yêu nàng vì nết, trọng nàng về tài. Đã nhiều nơi nghe danh muốn cầu thân với nàng; nhưng nàng đều từ chối cả, chủ tâm ở nhà gây dựng cho em thành cơ-sở, để báo hiếu cha mẹ, rồi mới nghĩ đến thân mình. Hai chị em vui-vẻ ở chốn rừng xanh lần lữa qua ngày đến nay cả hai đã thành tay thiện-sạ đại tài, phi ngựa giỏi, bắn cung giỏi, và phóng đao cũng giỏi. Hai chị em cũng được một phần thỏa trí. Song còn một điều ước-nguyện bình-sinh nữa mà chị chưa làm đạt được cho em là về đường văn-tự, Lương-Điền còn kém lắm. Nàng đương băn-khoăn tìm một nơi danh-sư cho em theo học thì gặp Phan-công đến chơi nhà, nàng liền xui Lương-Điền giữ ngài ở lại để thụ nghiệp. Phan-công đương lúc bơ-vơ và cảm tạ tấm lòng tốt của hai chị em Lương-Điền đã cứu mình và lại ân-cần tiếp đón mình, liền nhận lời ở lại, không cần lần-mò sang Thái-nguyên nữa. Thì giờ lặng-lờ trôi qua, tình thầy trò sư chủ càng thêm thân ái và kính-cẩn. Có khi, Phan-công lại làm giúp-đỡ việc vặt trong nhà để hai chị em Lương-Điền đi rừng săn bắn. Hơn một tháng sau, chợt có một tai nạn xảy ra. Hai chị em Lương-Điền đi rừng bắn được một con sơn-dương, theo lệ thường, liền đem về giết thịt ăn tái. Phan-công vì vốn xưa nay không dùng tái bao giờ; ngài chỉ ăn qua ít món sào nấu thôi, nên không việc gì. Còn chị em Lương-Điền quen miệng, ăn nhiều tái. Một lúc sau người nào người ấy mặt nhăn-nhó khó chịu, hai tay ôm bụng kêu-ca thảm thiết, rồi nằm vật xuống giường đập chân rẫy đành-đạch, hai bên mép xùi bọt ra. Phan-công biết ngay là hai người trúng độc, liền vội vàng cầm dao phạt luôn cổ một con chó săn, và cầm bát hứng lấy giòng máu vọt ở cổ ra. Rồi ngài vạch mồm hai người đổ hết bát tiết còn nóng hổi ấy vào, mặc cho họ thở phun tóe cả ra mặt mũi và hai bên má. Hai người nuốt được tiết rồi, dần-dần, thôi đập chân tay nằm yên, thiêm-thiếp như ngủ. Một lúc lâu sau, hai người tỉnh hẳn, mở mắt ra nhìn thấy Phan-công đang thu dọn đồ-đạc, thì đều tỏ vẻ thẹn thùng và hối tiếc. Hai người toan ngồi dậy Phan-công vội xua tay bắt nằm im, rồi ôn-tồn thuật lại mọi việc vừa xảy ra cho hai người nghe và khuyên:

— Cô và anh hãy nằm nghỉ cho lại sức đã. Đừng gượng. Chỉ tiếc con chó săn!

Lương-Điền vội vùng dậy chắp tay lậy. Phan-công đỡ ngăn lại. Lương-Điền cung-kính nói:

Thưa thầy mạng người là qui Giết một con chó mà cứu được hai chị em con, mà thầy còn thương tiếc, thầy thật là bậc chí nhân. Giá không có thầy, hôm nay chị em chúng con đến bỏ mạng.

Lương-Thoa cũng đã ngồi dậy chắp tay vái và nói:

— Trăm lạy thượng quan, ơn đức của thượng quan đối với chị em tiện-nữ thật là cao sâu như giời bể? Không nhờ ngài nhanh trí cứu cho thì chị em tiện-nữ đã phải xuống diêm môn chịu tội. Ơn tái tạo ấy chị em tiện-nữ ghi lòng tạc dạ mong có ngày đền bồi được trong muôn một.

Phan-công nói:

— Cô cứ dạy quá thế chứ, kể về ơn thì cô có ơn cứu sống tôi trước Mà còn cái ơn cô đối với tôi to hơn nữa là ơn tri ngộ, cô biết tôi trong cảnh cùng mà cô rước tôi về nhà nuôi nấng tử tế, thật là trên đời này ít có. Nay tôi làm việc này, chẳng qua là một công việc của một người còn có thể giúp được người bị nạn thì phải làm. Mà kể có công ra chăng nữa, tôi cũng chưa đủ báo tạ được cái ơn cứu sống trước kia và tấm lòng cao qui của cô đã giúp đỡ tôi lúc này.

— Bẩm thượng quan, tiện-nữ đâu dám thế, bắn con rắn không phải là một công. Và nếu không có tiện-nữ, tất rồi thượng quan cũng đánh đuổi được nó. Còn mời thượng quan về nhà là cốt để cho em Lương-Điền thụ nghiệp. Thế là vì ý vị kỷ chứ đâu phải là một tấm lòng tốt ạ. Đến như việc hôm nay thượng-quan cứu hai chị em tiện nữ trong vòng thập tử nhất sinh mới là một công ơn lớn lao báo đáp thế nào cũng không xứng được

Rồi như không muốn để cho Phan-công ngắt lời được, nàng nói luôn:

— Mà quái lạ! Các món tái xưa nay tiện-nữ làm cẩn thận lắm, không xảy ra sự gì cả. Hay là tại em Lương-Điền để cầu thả cho rắn rết nó vầy vào.

Lương-Điền nói:

— Thưa chị, em đã đậy rất cẩn thận, không cái gì vào được ạ!

Ngồi ngẫn một lúc nghĩ ngợi rồi nàng lại nói với em:

Còn nữa

Số sau:

Trở lại vấn đề đầu cơ giấy

PHẠM MẠNH-PHAN viết

KẾT QUẢ 2 CUỘC THI NHÂN KỲ

TRIỂN LÃM SÁCH BÁO của NHÀ SÁCH

MINH ĐỨC 97 Phố Chính Thái Bình tổ chức

Từ 30 Août 1942 đến 30 Septembre 1942

Ban chấm thi của nhà sách MINH ĐỨC đã ấn định kết quả 2 cuộc thi :

Về cuộc thi PHẦN NGƯỜI LỚN gồm có 15 giải bằng sách báo truyện của nhà sách MINH ĐỨC, các nhà xuất bản như Đời nay — Mai lĩnh — Tân dân — Hàn thuyên — Hương sơn — Đời mới, Cộng lực, — Tân việt — Duy tân — Kiến thiết — Đông phương — Viễn đệ (Huế) Luck (Saigon) tuần báo Đàn Bà và tạp chí Tri Tân.

Kết quả về thi sách có lối trình bầy mỹ thuật :

Nhất về sách của nhà xuất bản ĐỜI NAY — Nhì nhà xuất bản Tân dân — Ba Mới — Tư Mai lĩnh — Năm Hàn thuyên — Sáu Tân việt v. v...

Kết quả về bài thơ ghép bằng các nhan đề các cuốn tiểu thuyết

Bài thơ của ông PHAN HUY HỒNG 119 bis Paul Doumer Thái Bình được ban chấm thi của nhà sách Minh Đức chấm nhất so với các nhà thi khác gửi về dự thi.

Dưới đây xin đăng nguyên văn của tác giả.

Ngày thu tiễn biệt

Nắng thu *sáng láng đầy trời,*
Gió thu vi vút từng hơi lạnh lùng
Sông chia hai ngả *mênh mông*
Biệt nhau đôi bạn *ngại ngùng chia tay*
Chập chờn bướm trắng *tung bay*
Càng thêm nỗi nhớ những ngày vui xưa

Giải nhất : Ô. Phan huy Hồng 119 Paul Doumer Thái Bình được : 2 bộ sách Tản Đà phần văn vần và văn xuôi của nhà sách MINH ĐỨC, và 6 cuốn sách giấy thượng đó làng nghề của nhà xuất bản ĐỜI NAY tặng trị giá tất cả 40p00.

Giải nhì : Ô. Song An 30 Ru Miribel Thái Bình được 4 cuốn sách sử học văn học của nhà xuất bản Mai lĩnh bằng giấy đó đặc biệt, trị giá 25p00.

Giải ba : Ô. Phạm khắc Thực làng Sơn thọ phủ Kiến xương Thái Bình được 6 cuốn sánh của nhà Hàn thuyên — 6 cuốn truyện của nhà Tân dân và 10 cuốn sách của nhà xuất bản Hương Sơn tặng trị giá tất cả 20p00.

Còn từ giải thứ 4 đến giải thứ 15, đều có bảng kê rõ ràng dán tại nhà sách Minh Đức 97 Phố Chính Thái Bình.

Về CUỘC THI PHẦN TRẺ EM gồm có 28 giải — 1 giải của nhà sách MINH ĐỨC — 2 giải của nhà báo Thành Nghị phần văn mới — 3 giải Cộng Lực — 6 giải Hàn thuyên — 5 giải Kiến thiết — 1 giải Đông phương — 2 giải Đời mới — 1 giải Duy tân — 1 giải Tân dân — 1 giải Đàn bà và 5 giải nhà xuất bản Sông Thương.

Kết quả cuộc thi về loại giải trí : *Nhất loại giải trí của HÀN THUYÊN.*

Kết quả về loại nhi đồng : NHẤT loại báo Truyền bá — NHÌ loại sách hồng — BA loại sách Hoa Mai.

Kết quả sách hay của mỗi loại : Tráng sĩ bồ đề (g. t. Hàn thuyên).

Phần thưởng danh dự Truyền bá Ông đồ bề (Sách hồng) Con sáo trắng (Hoa mai) Ông bụt chùa vàng (Hoa xuân) Đồng xu kể truyện mình (Nhi đồng họa bản) Giết hổ báo thù cha (loại Gia đình).

Giải nhất : Cậu Nguyễn như Vũ 271 Piquet Thái Bình được 4 hộp vở Ông nghè của nhà sách Minh Đức tặng. Và 12 cuốn sách Truyền bá.

Còn giải nhì đến giải thứ 28 đều có bản kê dán tại nhà sách M, Đ., bắt đầu lĩnh giải từ 1er Novembre đến 30-11-42. Các bạn ở tỉnh xa đều có thơ báo tin nếu bạn nào trúng giải.

Directeur : Nguyễn Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tu-Quán
Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi